

PHỤ LỤC
PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ NHÀ, ĐẤT VÀ HÌNH THỨC XỬ LÝ NHÀ, ĐẤT CỦA CÁC TRẠM Y TẾ THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ (SAU KHI TỔ CHỨC LẠI)
(Kèm theo Quyết định số 2901 /QĐ-UBND ngày 31 /12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG	288				325.922,9	72.743,3	92.837,4				
1	UBND phường Tam Thanh											
	Trạm Y tế phường Tam Thanh	3										
<i>1.1</i>	Trạm chính	Ngõ 97 đường Nhị Thanh khối 2, phường Tam Thanh	Trích lục bản đồ địa chính số 223/TLBD, thửa đất số 334, tờ bản đồ số 82-2021 do Văn phòng ĐKĐĐ, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 13/3/2025	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	973,1				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm y tế						217,0	434,0				
	Nhà để xe						36,0	36,0				
	Nhà chứa rác						6,0	6,0				
<i>1.2</i>	Điểm trạm Hoàng Đồng (Trạm Y tế xã Hoàng Đồng cũ)	khối Đồng Ân, phường Tam Thanh	GCN quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu Nhà nước số T49056028/38 ngày 04/4/2006 của UBND tỉnh	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	950,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm						227,0	227,0	Nhà để xe, nhà kho, sân bê tông, vườn thuốc nam			
<i>1.3</i>	Trạm y tế phường Tam Thanh cũ	đường Ngõ Thi Vi, phường Tam Thanh	Biên bản bàn giao Doanh trại Thị đội Thị xã Lạng Sơn ngày 12/6/1997 của Thị đội Lạng Sơn cho Trung tâm Y tế Thành phố	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	1.364,0				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Phường Tam Thanh tiếp nhận để bố trí làm sân chơi, sân thể thao (đầu tư công viên cây xanh)
	Nhà trạm 1						151,0	151,0	Sân vườn, nhà để xe			
	Nhà trạm 2						149,0	149,0				
2	UBND phường Lương Văn Tri											
	Trạm Y tế phường Lương Văn Tri	3										
<i>2.1</i>	Trạm chính	Số 35 đường Trần Hưng Đạo, phường Lương Văn Tri	GCNQSDĐ số 029716 ngày 04/4/2006 do Chủ tịch UBND thành phố Lạng Sơn cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	148,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Nhà trạm, phòng khám, chữa bệnh						116,0	231,0	Sân bê tông, bể nước			
2.2	Điểm trạm Quảng Lạc	khối Quảng Trung I, phường Lương Văn Tri	Trích đo thửa đất số 540, tờ bản đồ số 82, Mảnh trích đo địa chính số 09-2022, hệ toạ độ VN-2000, thôn Quảng Trung I	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.547,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm, phòng khám bệnh chữa bệnh						234,0	234,0	Sân, cổng, hàng rào, nhà để xe, vườn thuốc nam, nhà chứa rác thải			
2.3	Trạm y tế xã Quảng Lạc cũ	Km3, khối Quảng Liên I, phường Lương Văn Tri	GCNQSDĐ số T490.560.26/40 do UBND thành phố cấp ngày 04/4/2006	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	778,0				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Phường Lương Văn Tri tiếp nhận để bố trí làm trụ sở Ban Chỉ huy quân sự phường
	Nhà trạm						199,0	199,0	Sân bê tông, cổng, hàng rào			
3	UBND phường Kỳ Lừa											
	Trạm Y tế phường Kỳ Lừa	8										
3.1	Trạm chính (Trạm y tế thị trấn Cao Lộc -Trung tâm dân số Cao Lộc cũ)	Tổ 1 khối 27, phường Kỳ Lừa	Chưa có GCNQSDĐ	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	269,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà làm việc						138,0	138,0	Tường bao			
3.2	Điểm trạm Hợp Thành (Trạm Y tế xã Hợp Thành cũ)	thôn Nà Nùng, phường Kỳ Lừa	GCN quyền quản lý, sử dụng nhà đất T00070 do UBND tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 07/12/1998	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	500,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà làm việc						197,0	342,0	Sân bê tông, nhà chứa rác, bể nước			
3.3	Điểm trạm Gia Cát (Trạm Y tế xã Gia Cát cũ)	thôn Bắc Đông, phường Kỳ Lừa	Bản đồ địa chính tờ bản đồ 96 thửa số 315, 316, 330	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	900,1				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà làm việc						297,0	490,0	Sân bê tông, tường rào, bể nước			
	Nhà công vụ, nhà chứa rác						103,0	103,0				
3.4	Điểm trạm Tân Liên (Trạm Y tế xã Tân Liên cũ)	thôn An Dinh II, phường Kỳ Lừa	GCNQSDĐ số phát hành D 0376570, số vào sổ T00029 do UBND tỉnh cấp ngày 28/9/1998 cho Trường Phổ thông cơ sở Tân Liên	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	861,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Điều chuyển	Điều chuyển cho trường Tiểu học Tân Liên quản lý, sử dụng theo đúng đơn vị được giao đất (nhà trường vẫn có nhu cầu sử dụng)
	Nhà làm việc số 1						179,0	179,0				

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Nhà làm việc số 2						268,0	268,0	Sân, tường rào			
	Nhà vệ Sinh						11,0	11,0				
	Nhà chứa rác						20,0	20,0				
	Nhà xe						60,0	60,0				
3.5	Trạm Y tế phường Hoàng Văn Thụ cũ	Số 263 đường Bắc Sơn, phường Kỳ Lừa	Trích đo địa chính số 10-2025 hệ toạ độ VN-2000, khối 9, tờ số 20 (421449-7-9) của văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lạng sơn cấp ngày 08/01/2025	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	183,0				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh quản lý, khai thác theo quy định
	Nhà trạm						163,0	325,0	Sân bê tông			
3.6	Trạm Y tế xã Gia Cát (cũ)	thôn Bắc Đông, phường Kỳ Lừa	GCNQSDĐ số BD 0376493 ngày 07/12/1998 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	349,2				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Phường Kỳ Lừa tiếp nhận bố trí làm nhà Ban Quản lý chợ
3.7	Trạm Y tế xã Tân Liên (Trạm cũ)	thôn An Đình II, phường Kỳ Lừa	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	311,8				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Điểm trạm Tân Liên (sử dụng cùng với trụ sở UBND xã Tân Liên cũ)
	Nhà làm việc						146,0	146,0	Sân bê tông, Tường rào			
3.8	Trạm Y tế thị trấn Cao Lộc (trạm cũ)	khối 6, phường Kỳ Lừa	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	269,0				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh quản lý, khai thác theo quy định
	Nhà làm việc						131,0	131,0	Sân,tường bao			
4	UBND phường Đông Kinh											
	Trạm Y tế phường Đông Kinh	4										
4.1	Trạm chính (Trạm Y tế phường Vĩnh Trại cũ)	khối 2, phường Đông Kinh	GCNQSDĐ số CB 091976 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 25/08/2015	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	728,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm						320,0	640,0	Sân bê tông, cổng, hàng rào, vườn thuốc nam			
4.2	Điểm trạm Đông Kinh (Trạm Y tế phường Đông Kinh cũ)	Số 12, đường Lý Thái Tổ, phường Đông Kinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DP 834572 ngày 10/12/2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	200,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm						200,0	400,0	Sân bê tông			

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
4.3	Điểm trạm Mai Pha (Trạm Y tế xã Mai Pha cũ)	khối Khòn Khuyên, phường Đồng Kinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DP 834572 ngày 10/12/2024do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.310,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm						297,0	297,0	Vườn thuốc nam,bể nước, rãnh thoát nước, bờ ngăn, kè đá			
4.4	Trạm Y tế xã Yên Trạch cũ	khối Yên Thủy I, phường Đồng Kinh	Căn cứ các Quyết định thu hồi số 1692, 1693, 1694, 1695, 1696/QĐ-UBND ngày 05/07/2017 và QĐ 1774/QĐ-UBND ngày 12/07/2017	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.325,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà làm việc						260,0	260,0	Bể nước			
	Nhà chứa rác						20,0	20,0				
5	UBND xã Thất Khê											
	Trạm Y tế xã Thất Khê	4										
5.1	Trạm chính (Trạm Y tế thị trấn Thất Khê cũ cơ sở 2)	thôn Thống Nhất, xã Thất Khê	GCNQSDĐ số H962146 ngày 10/01/1998 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	482,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Toàn bộ khu nhà mới						165,0	330,0	Sân bê tông, tường rào, bể nước			
	Toàn bộ khu nhà cũ						112,8	225,5				
	1 phòng kho						22,5	22,5				
	Nhà để xe máy						21,5	21,5				
	1 nhà chứa rác						20,0	20,0				
	Nhà vệ sinh						22,5	22,5				
5.2	Điểm trạm Chi Lăng (Trạm Y tế xã Chi Lăng cũ)	thôn Đâu Linh, xã Thất Khê	GCNQSDĐ số AG 087481, cấp ngày 02/5/2008 của UBND tỉnh	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	452,7				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Khu nhà trạm						178,0	178,0	Sân bê tông, tường rào, bể nước, vườn đông y			
	Nhà bếp						8,0	8,0				
	Nhà để để xe						48,0	48,0				
	Nhà sử lý rác thải Y tế						3,2	3,2				
	Nhà vệ sinh ngoài trời						16,0	16,0				
5.3	Điểm trạm Chi Minh (Trạm Y tế xã Chi Minh cũ)	thôn Cốc Tòong - Thả Lừa, xã Thất Khê	GCNQSDĐ số AG087486, cấp ngày 02/05/2008 của UBND tỉnh	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	439,5				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà chính						120,0	110,0	Sân bê tông, bể nước			
	Nhà bếp						13,3	12,0				
	Khu để xe						15,0	15,0				
	Nhà vệ sinh						25,0	22,0				

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
5.4	Trạm Y tế thị trấn Thất Khê cũ (cơ sở 1)	thôn 3, xã Thất Khê	GCNQSDĐ số H 962149 ngày 10/01/1998 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	327,0				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Thất Khê tiếp nhận làm nhà văn hoá thôn 3
	Toàn bộ khu nhà						112,8	112,8	Sân trạm			
	Nhà vệ sinh						3,0	3,0				
6	UBND xã Đoàn Kết											
	Trạm Y tế xã Đoàn Kết	4										
6.1	Trạm chính (Trạm Y tế xã Đoàn Kết cũ)	thôn Thống Nhất, xã Đoàn Kết	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	556,3				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Khu nhà Trạm y tế						239,0	447,0	Sân bê tông, bể nước, giếng khoan, vườn thuốc nam			
	Nhà công vụ						30,5	30,5				
	Nhà để xe						12,8	12,8				
	Nhà chứa rác						3,7	3,7				
6.2	Điểm trạm Cao Minh (Trạm Y tế xã Cao Minh cũ)	thôn Vàng Can, xã Đoàn Kết	GCNQSDĐ số CB 091988 ngày 01/9/2015 do Sở Tài và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	896,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Khu nhà hành chính , khám bệnh						192,8	385,5	Sân bê tông, bể nước, tường rào			
	Khu nhà bếp						60,0	60,0				
	Khu nhà vệ sinh						12,6	12,6				
6.3	Điểm trạm Khánh Long (Trạm Y tế xã Khánh Long cũ cơ sở 1)	thôn Khuổi Bầy A, xã Đoàn Kết	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	878,3				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Khu nhà Trạm y tế						241,0	241,0	Sân bê tông			
	Nhà bếp						37,8	37,8				
	Nhà chứa rác						10,8	10,8				
	Nhà vệ sinh						19,7	19,7				
6.4	Trạm Y tế xã Khánh Long cũ (cơ sở 2)	thôn Phiêng Sâu, xã Đoàn Kết	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	1.578,4				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng làm điểm trạm Khánh Long (cơ sở 2) để phục vụ tốt cho công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân trên địa bàn
	Khu nhà Trạm y tế						337,5	337,5	Sân bê tông, tường rào			
	Nhà bếp						20,0	20,0				
7	UBND xã Tân Tiến											
	Trạm Y tế xã Tân Tiến	6										
7.1	Điểm trạm Tân Yên (Trạm Y tế xã Tân Yên cũ cơ sở 1)	thôn Kéo Mươi, xã Tân Tiến	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.138,6				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Khu nhà hành chính, khám bệnh						100,0	100,0				

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Khu điều trị						68,4	68,4	Sân bê tông, bể nước			
	Khu nhà vệ sinh						18,7	18,7				
7.2	Điểm trạm Kim Đồng (Trạm Y tế xã Kim Đồng cũ cơ sở 1)	thôn Nà Thà, xã Tân Tiến	GCNQSDĐ số AI 113365, cấp ngày 12/07/2007 của UBND tỉnh	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	545,2				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Khu nhà dây 1 (Phòng Đông y, phòng hành chính, phòng sản, phòng bệnh nhân, phòng TT-KHHGD)						105,0	105,0	Sân bê tông, bể nước, tường rào			
	Khu nhà dây 2 (phòng tiêm, phòng trực, phòng khám, phòng được)						52,0	52,0				
	Nhà bếp						10,5	10,5				
	Nhà vệ sinh						18,5	18,5				
7.3	Trạm Y tế xã Kim Đồng cũ (cơ sở 2)	thôn Pò Đoòng, xã Tân Tiến	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	480,5				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Điều chuyển	Điều chuyển cho trường trưởng PTDTBT TH và THCS Bắc Ái II quản lý, sử dụng
	Khu hành chính (Phòng được, phòng sản, phòng hành chính)						65,0	65,0				
	Nhà bếp						8,0	8,0				
	Nhà vệ sinh						6,0	6,0				
7.4	Trạm Y tế xã Kim Đồng cũ (cơ sở 3)	thôn Nà Thà, xã Tân Tiến	GCNQSDĐ số AG 087484, cấp ngày 02/05/2008 của UBND tỉnh	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	559,3				Thu hồi	Điều chuyển	Điều chuyển cho trường Mầm non Kim Đồng quản lý, sử dụng
	Khu nhà trạm						55,0	55,0	Sân bê tông, bể nước, tường rào			
	Nhà bếp						12,0	12,0				
	Nhà để xe						10,0	10,0				
	Nhà vệ sinh						8,0	8,0				
	Nhà tắm						6,0	6,0				
7.5	Trạm Y tế xã Tân Yên cũ cơ sở 2	thôn Kéo Mười, xã Tân Tiến	GCNQSDĐ số H 962143 ngày 10/1/21998 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	330,0				Điều chuyển	Điều chuyển	Điều chuyển cho trường PTDTBT Tiểu học và THCS Tân Yên
	Nhà trạm						72,0	72,0				
7.6	Trạm y tế xã Tân Tiến cũ	thôn Áng Mò, xã Tân Tiến	Chưa có GCNQSDĐ	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.202,2					Giữ lại tiếp tục sử dụng	Điểm trạm
	Nhà hành chính 2 tầng						117,0	264,0				
	Nhà trạm y tế						75,1	75,1				

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Nhà bếp						17,1	17,1	Tường rào, sân bê tông, bể nước, hồ rác			
	Nhà lưu giữ rác thải y tế						19,4	19,4				
	Nhà vệ sinh						17,4	17,4				
8	UBND xã Trảng Định											
	Trạm Y tế xã Trảng Định	6										
8.1	Trạm chính (Trạm Y tế xã Đề Thám cũ cơ sở 3)	thôn Đoòng Nà, xã Trảng Định	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.845,5				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Toàn bộ khu nhà						181,5	181,5	Sân bê tông			
	Nhà để xe máy						33,0	33,0				
	Lò đốt rác						4,0	4,0				
	Nhà vệ sinh						41,0	41,0				
8.2	Điểm trạm Hùng Sơn (Trạm y tế xã Hùng Sơn cũ cơ sở 1)	thôn Bàn Chu, xã Trảng Định	GCNQSDĐ số A1113209, cấp ngày 31/08/2007 của UBND tỉnh	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	645,2				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Khu nhà Trạm y tế						140,0	280,0	Sân bê tông, bể nước, tường rào, vườn thuốc nam			
	Nhà kho						104,0	104,0				
	Khu điều trị bệnh nhân						89,6	89,6				
	Nhà tắm						13,5	13,5				
	Nhà vệ sinh nam, nữ						20,0	20,0				
8.3	Điểm trạm Hùng Việt (Trạm Y tế xã Hùng Việt cũ)	thôn Bàn Nhân, xã Trảng Định	GCNQSDĐ số H962148, Cấp ngày 10/01/1998 của UBND tỉnh	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	770,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Dãy nhà mới						96,8	96,8	Sân bê tông, tường rào, bể nước, giếng khoan			
	Dãy nhà cũ						67,2	67,2				
	Nhà bếp						33,5	33,5				
	Nhà rác						9,3	9,3				
	Nhà vệ sinh						17,7	17,7				
8.4	Trạm y tế xã Hùng Sơn (cơ sở 2)	thôn Bàn Chu, xã Trảng Định	GCNQSDĐ số CB 091817, cấp ngày 01/09/2015 của UBND tỉnh	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	815,5				Thu hồi	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Trảng Định tiếp nhận để bố trí tạm thời làm trụ sở Tổ an ninh trật tự của Công an xã Trảng Định
	Khu nhà Trạm y tế						103,0	103,0	Sân bê tông, bể nước			
	Nhà tắm, nhà vệ sinh						5,0	5,0				
8.5	Trạm Y tế xã Đề Thám (Cơ sở 1)	thôn Bắc Ái, xã Trảng Định	GCNQSDĐ số BP 195735 cấp ngày 2/10/2013 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	511,5				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Điều chuyển	Điều chuyển cho trường PTDTBT TH và THCS Bắc Ái I quản lý, sử dụng (xây dựng nhà bán trú)

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Toàn bộ khu nhà						128,0	128,0	Sân trạm, bể chứa nước			
	Nhà vệ sinh						9,4	9,4				
	Nhà bếp						9,4	9,4				
8.6	Trạm Y tế xã Đề Thám (Cơ sở 2)	thôn Pác Luông, xã Trảng Định	GCNQSDĐ vào sổ số 00638 ngày 10/01/1998 của UBND tỉnh Lạng Sơn	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	172,0				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Trảng Định tiếp nhận bố trí trụ sở trung tâm Dịch vụ công ích xã sau khi cải tạo, sửa chữa
	Toàn bộ khu nhà						120,0	120,0	Sân trạm			
	Nhà vệ sinh						9,4	9,4				
9	UBND xã Quốc Khánh											
	Trạm Y tế xã Quốc Khánh	5										
9.1	Trạm chính (Trạm Y tế xã Tri Phương cũ cơ sở 1)	thôn Kéo Quân, xã Quốc Khánh	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.642,7				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Khu nhà trạm Y Tế						176,0	352,0	Sân bê tông, tường rào, bể nước, vườn thuốc nam			
	Nhà bếp công vụ						81,0	81,0				
	Nhà chứa rác						9,0	9,0				
9.2	Điểm trạm Quốc Khánh (Trạm Y tế xã Quốc Khánh cũ)	thôn Thống Nhất, xã Quốc Khánh	GCNQSDĐ số AG087482 ngày 02/5/2008 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	2.435,3				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà chính 1						148,6	148,6	Sân bê tông, tường rào, bể nước			
	Nhà chính 2						180,6	180,6				
	Nhà bếp						11,7	11,7				
9.3	Điểm trạm Đội cán (Trạm Y tế xã Đội Cán cũ)	thôn Bán Chang, xã Quốc Khánh	GCNQSDĐ số BP 107306 ngày 19/12/2014 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	815,5				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Khu nhà Trạm y tế						225,0	450,0	Sân bê tông, tường rào, bể nước, giếng khoan, vườn thuốc nam			
	Nhà bếp, công vụ						55,5	55,5				
	Nhà để xe						22,5	22,5				
9.4	Trạm Y tế xã Tri Phương cũ (cơ sở 2)	thôn Kéo Quân, xã Quốc Khánh	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	385,6				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Quốc Khánh tiếp nhận quản lý theo pháp luật về đất đai
9.5	Trạm Y tế xã Tri Phương cũ (cơ sở 3)	thôn Kéo Quân, xã Quốc Khánh	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	456,8				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Quốc Khánh tiếp nhận quản lý theo pháp luật về đất đai
	Khu nhà trạm y tế						74,9	74,9	Sân bê tông			
	Nhà bếp						15,0	15,0				

[illegible]

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Trạm Y tế xã Quốc Việt	3										
11.1	Trạm chính (Trạm Y tế xã Quốc Việt cũ cơ sở 2)	thôn Nà Nà, xã Quốc Việt	GCNQSDĐ đất số H 962145 ngày 10/1/1998 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	4.050,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Khu nhà làm việc						316,0	316,0	Sân bê tông, tường rào, bể nước			
	Khu nhà tập thể cán bộ						129,0	129,0				
	Nhà bếp						20,0	20,0				
	Nhà vệ sinh						16,0	16,0				
	Nhà để xe						12,0	12,0				
	Nhà rác						20,0	20,0				
	Lò đốt rác						4,0	4,0				
11.2	Điểm trạm Đào Viên (Trạm Y tế xã Đào Viên cũ)	thôn 3, xã Quốc Việt	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	2.503,4				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà Trạm mới						247,5	443,0	Sân bê tông trạm cũ, Sân bê tông trạm mới, vườn thuốc nam, bể nước mới, bể nước cũ, đường bê tông			
	Nhà để xe mới						20,0	20,0				
	Nhà trạm cũ						65,0	65,0				
	Nhà bếp trạm cũ						15,0	15,0				
	Nhà vệ sinh cũ						4,0	4,0				
11.3	Trạm Y tế xã Quốc Việt cũ (cơ sở 1)	thôn Nà Nà, xã Quốc Việt	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	1.420,5				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Quốc Việt tiếp nhận để bố trí làm nhà công vụ cho cán bộ, công chức xã
	Khu nhà trạm						85,0	85,0	Tường rào			
	Nhà vệ sinh						4,5	4,5				
12	UBND xã Bình Gia											
	Trạm Y tế xã Bình Gia	6										
12.1	Trạm chính (Trạm y tế xã Hoàng Văn Thụ cũ)	thôn Thuần Như II, xã Bình Gia	Chưa được cấp GCNQSDDD	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.905,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà làm việc 1 tầng cấp IV						183,0	183,0	Cổng, bể nước, tường rào			
	Nhà trực CBCNVC Trạm Y tế						93,0	93,0				
	Nhà vệ sinh 1 tầng cấp IV						18,0	18,0				
	Nhà chứa rác						20,0	20,0				
12.2	Điểm trạm Bình Gia	khối phố Tân Thành, xã Bình Gia	GCNQSDĐ số H 962802 ngày 02/6/1998 do UBND tỉnh cấp, diện tích là 450 m2. Mở rộng thêm 357m2	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	794,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà làm việc 2 tầng cấp III						505,2	505,2	Cổng, tường rào, nhà để xe			
	Nhà kho cấp IV						21,6	21,6				

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
12.3	Điểm trạm Móng Ân	thôn Nà Vường, xã Bình Gia	GCNQSDĐ số CN 810552 ngày 19/9/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	998,9			Nhà để xe, tường rào	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà làm việc 2 tầng cấp III						380,0	380,0				
12.4	Trạm Y tế thị trấn Bình Gia cũ	khối phố Trần Hưng Đạo, xã Bình Gia	GCNQSDĐ số H 962106 cấp ngày 03/6/1998 của UBND tỉnh	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	679,0				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Bình Gia tiếp nhận quản lý theo pháp luật về đất đai
	Nhà Trạm Y tế 1 tầng cấp IV						70,0	70,0				
12.5	Trạm Y tế xã Hoàng Văn Thụ cũ	thôn Thuận Như I, xã Bình Gia	GCNQSDĐ số T00137 cấp ngày 03/06/1998 của UBND tỉnh	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	112,0				Điều chuyển	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Bình Gia tiếp nhận quản lý theo pháp luật về đất đai
	Nhà Trạm Y tế cũ						80,4	80,4				
12.6	Trạm Y tế xã Móng Ân cũ	thôn Nà Vường, xã Bình Gia	GCNQSDĐ số CB 091938 ngày 31/7/2015 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	189,0				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Bình Gia tiếp nhận để bố trí làm sân chơi, sân thể thao (gộp với khu đất trụ sở xã Móng Ân cũ)
	Nhà làm việc cũ						67,7	67,7				
	Nhà vệ sinh											
13	UBND xã Tân Văn											
	Trạm Y tế xã Tân Văn	4										
13.1	Trạm chính (Trạm Y tế xã Hồng Thái cũ)	thôn Bàn Huân, xã Tân Văn	GCNQSD đất cấp ngày 02/6/1998 của UBND tỉnh	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.311,6				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà Trạm Y tế 1 tầng cấp IV						240,0	240,0	Cổng, bể nước, tường rào			
	Nhà làm việc 1 tầng cấp IV						65,0	65,0				
	Nhà vệ sinh 1 tầng cấp IV						16,5	16,5				
	Nhà chứa rác						8,3	8,3				
13.2	Điểm trạm Tân Văn	thôn Nà Vược, xã Tân Văn	GCNQSDĐ số H 9622098 cấp ngày 02/6/1998 của UBND tỉnh	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	556,7				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà làm việc 1 tầng cấp IV (mới)						297,0	297,0	Cổng, bể nước, tường rào			
	Nhà công vụ 1 tầng cấp IV						17,0	17,0				
13.3	Điểm trạm Bình La	thôn Bàn Piòla, xã Tân Văn	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.200,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà làm việc 1 tầng cấp IV						250,0	250,0	Bể nước, nhà vệ sinh, nhà xe			
	Phòng công vụ + nhà bếp						100,0	100,0				

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
13.4	Trạm Y tế xã Bình La cũ	thôn Bàn Piòa, xã Tân Văn	GCNQSDĐ số I058214 ngày 02/6/1998 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	465,0				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Tân Văn tiếp nhận để bố trí làm sân chơi, sân thể thao thôn Bàn Pioa
14	UBND xã Hồng Phong											
	Trạm Y tế xã Hồng Phong	3										
14.1	Trạm chính (Trạm Y tế xã Hồng Phong cũ)	thôn Nhất Tiến, xã Hồng Phong	GCNQSDĐ số BP 107309 ngày 19/12/2014 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang Sử dụng	686,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà làm việc 1 tầng cấp IV						360,0	360,0				
	Nhà lưu trú bệnh nhân						111,0	111,0	Tường rào, nhà để rác			
	Nhà vệ sinh						8,0	8,0				
14.2	Điểm trạm Minh Khai	thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong	GCNQSDĐ số H 962126 ngày 02/6/1998 do UBND tỉnh cấp cho UBND xã Minh Khai	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.157,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà làm việc						308,0	308,0				
	Nhà công vụ						74,0	74,0	Cổng, tường rào, bể nước			
	Nhà chứa rác						9,0	9,0				
14.3	Trạm y tế xã Minh Khai cũ	thôn Khuổi Con, xã Hồng Phong	GCNQSDĐ số H 962126 do UBND tỉnh cấp ngày 02/6/ 1998	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	623,0				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Hồng Phong tiếp nhận quản lý theo pháp luật về đất đai
	Nhà làm việc 1 tầng cấp IV						77,0	77,0				
	Nhà DSKHHGD 1 tầng						80,0	80,0	Bể nước			
	Nhà phòng khám đông y						50,0	50,0				
15	UBND xã Hoa Thám											
	Trạm Y tế xã Hoa Thám	4										
15.1	Trạm chính	thôn Nà Phán, xã Hoa Thám	Chưa được cấp GCNQSDDD	Đất cơ sở y tế	Đang Sử dụng	2.194,0	528,0	528,0		Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà phòng khám đa khoa khu vực xã Hoa Thám 2 tầng cấp III						243,0	471,0				
	Nhà CBCNV 1 tầng cấp 4						141,6	111,0	Bể nước, nhà để xe, tường rào			
	Nhà vệ sinh 1 tầng cấp IV						15,0	14,0				
15.2	Điểm trạm Hưng Đạo	thôn Bàn Chu, xã Hoa Thám	Chưa được cấp GCNQSDDD	Đất cơ sở y tế	Đang Sử dụng	903,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Nhà làm việc 2 tầng cấp III						281,5	554,0	Bể nước, nhà để xe, tường rào			
15.3	Trạm Y tế xã Hoa Thám cũ	thôn Nà Pàn, xã Hoa Thám	GCNQSDĐ số H962801 ngày 02/6/1998 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	600,0				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Hoa Thám tiếp nhận quản lý theo pháp luật về đất đai (đã thu hồi đất giao Công an tỉnh làm trụ sở Công an xã)
	Nhà trạm						96,0	96,0				
15.4	Trạm Y tế xã Hưng Đạo cũ	thôn Bàn Chu, xã Hoa Thám	GCNQSDĐ số H962804 ngày 03/6/1998 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	450,0				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Hoa Thám tiếp nhận để bố trí trụ sở làm việc cho cán bộ, công chức xã
	Nhà làm việc 1 tầng cấp IV						96,0	96,0				
16	UBND xã Quý Hoà											
	Trạm Y tế xã Quý Hoà	3										
16.1	Trạm chính (Trạm y tế xã Quý Hòa cũ)	thôn Khuổi Lùng, xã Quý Hòa	GCNQSDĐ số vào sổ cấp GCN : CT-05751 ngày 08/08/2023 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.987,1				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà làm việc 1 tầng cấp IV						110,0	143,0	Bể nước			
	Nhà lưu trú bệnh nhân 1 tầng cấp IV						90,0	110,0				
	Nhà bếp 1 tầng cấp IV						12,0	15,0				
	Nhà vệ sinh 1 tầng cấp IV						24,0	27,2				
16.2	Điểm trạm Vĩnh Yên	thôn Vằng Mẩn, xã Quý Hòa	GCNQSDĐ số: 1 058231, ngày 04/6/1998 của UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.330,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà làm việc 2 tầng cấp III						340,8	340,8	Bể nước			
	Nhà công vụ						122,4	122,4				
	Nhà kho						19,0	19,0				
16.3	Trạm y tế xã Quý Hòa cũ	thôn Khuổi Ngánh, xã Quý Hòa	GCNQSDĐ số H 962122 cấp ngày 02/6/1998 của UBND tỉnh Lạng Sơn	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	300,0				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Quý Hoà tiếp nhận quản lý theo pháp luật về đất đai
17	UBND xã Thiện Hoà											
	Trạm Y tế xã Thiện Hoà	3										
17.1	Trạm chính (Trạm y tế xã Thiện Hòa cũ)	thôn Ba Biền, xã Thiện Hòa	GCN QSDĐ số H 962125 ngày 2/6/1998 của UBND tỉnh Lạng Sơn 480 m2, mở rộng thêm 1.839,9 m2	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	2.319,9				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

[illegible]

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Trạm Y tế xã Thiện Long	5										
19.1	Trạm chính (Trạm y tế xã Hòa Bình cũ)	thôn Tà Chu, xã Thiện Long	GCNQSDĐ số BP 107173 ngày 11/09/2014 do UBND tỉnh cấp cho UBND xã Hòa Bình	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.215,1				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà làm việc 1 tầng cấp IV						131,2	131,2	Bể nước, cổng, tường rào			
	Nhà công vụ + Nhà bếp 1 tầng cấp IV						84,0	84,0				
	Nhà vệ sinh						10,0	10,2				
	Nhà rác						18,0	17,5				
19.2	Điểm trạm Thiện Long	thôn Bắc Hóa, xã Thiện Long	GCNQSDĐ số H 962100 năm 1998 của UBND tỉnh	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	736,6				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà làm việc 2 tầng cấp III						192,7	359,6	Tường rào			
	Nhà bếp 1 tầng cấp IV						30,0	25,0				
	Nhà chứa rác, đốt rác						22,0	22,0				
19.3	Điểm trạm Tân Hòa	thôn Tân Tiến, xã Thiện Long	Chưa có GCNQSDĐ; Đất theo thửa đất số 85, Tờ bản đồ địa chính số 66 tỷ lệ 1/1000	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.153,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà làm việc cấp IV						227,0	227,0	Cổng, tường rào bao quanh, Bể tự thấm.Bể xử lý nước thải			
	Nhà công vụ Cấp IV						73,0	73,0				
	Nhà chứa rác						9,0	9,0				
19.4	Trạm Y tế xã Tân Hòa (cũ)	thôn Tân Tiến, xã Thiện Long	GCNQSDĐ số 1 058213 ngày 02/6/1998 của UBND tỉnh; số vào sổ: 1 00135 ngày 02/6/1998	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	180,0				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Thiện Long tiếp nhận quản lý theo pháp luật về đất đai
19.5	Trạm Y tế xã Tân Hòa (cũ)	thôn Tân Tiến, xã Thiện Long	Chưa có GCNQSDĐ	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	710,5				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Thiện Long tiếp nhận quản lý theo pháp luật về đất đai
	Nhà làm việc 1 tầng cấp IV						90,0	90,0				
	Nhà trực, nhà kho trạm						90,0	90,0				
20	UBND xã Bắc Sơn											
	Trạm y tế xã Bắc Sơn	7										
20.1	Trạm chính (Trạm y tế xã Long Đống cũ)	thôn Long Hưng, xã Bắc Sơn	Chưa được cấp GCNQSDĐ. Trích lục bản trích đo địa chính số 996/TLBĐ, số hiệu thửa đất 227, tờ bản đồ địa chính số 109	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	642,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm						224,0	224,0				

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Nhà công vụ						79,4	79,4	Tường rào, bể nước			
	Nhà vệ sinh						19,9	19,9				
	Nhà chứa rác						6,8	6,8				
	Nhà chứa rác						6,8	6,8				
20.2	Điểm trạm Bắc Sơn	khối phố Hữu Vĩnh, xã Bắc Sơn	Chưa được cấp GCNQSDĐ. Trích lục bản đồ địa chính số 100/TLĐC. Thửa đất số 587 tờ bản đồ số 20	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	994,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm						180,0	180,0				
	Nhà bếp						20,0	20,0				
	Nhà vệ sinh						14,0	14,0				
	Nhà xe						50,0	50,0				
20.3	Điểm trạm Bắc Quỳnh	thôn Đông Dăng, xã Bắc Sơn	Tờ trích đo địa chính số: -2024, tờ số 42 (424405-8-d)	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.335,4				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm						131,4	131,4	Tường rào			
	Nhà bếp- phòng nghỉ cán bộ						50,0	50,0				
	Nhà để xe						30,0	30,0				
	Nhà chứa rác						18,0	18,0				
	Nhà vệ sinh						21,0	21,0				
20.4	Trạm Y tế thị trấn Bắc Sơn cũ	khối phố Hữu Vĩnh, xã Bắc Sơn	Giấy CNQSDĐ số 1058229 ngày 08/12/1997 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	400,0				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Bắc Sơn tiếp nhận quản lý theo pháp luật về đất đai
	Nhà Trạm 1						76,0	76,0				
	Nhà Bếp						14,7	14,7				
	Nhà Vệ sinh						14,5	14,5				
20.5	Trạm Y tế thị trấn Bắc Sơn cũ	khối phố Nguyễn Thị Minh Khai, xã Bắc Sơn	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	198,6				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Bắc Sơn tiếp nhận quản lý theo pháp luật về đất đai
	Nhà trạm 01 tầng						70,0	70,0				
	Nhà vệ sinh						6,2	6,2				
20.6	Trạm Y tế xã Bắc Quỳnh cũ	thôn Trí Yên, xã Bắc Sơn	Giấy CNQSDĐ số 1 058222, số vào sổ 00582	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	214,0				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Bắc Sơn tiếp nhận bố trí làm điểm sinh hoạt cộng đồng của thôn (khu đất liền kề nhà văn hoá thôn)
	Nhà trạm						80,0	80,0				

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
20.7	Trạm Y tế xã Bắc Quỳnh cũ	thôn Đôn Riệc 2, xã Bắc Sơn	GCNQSDĐ số CB091885 do Sở TNMT tỉnh cấp ngày 06/10/2015, diện tích 603m2; GCNQSDĐ số 1058221 do UBND tỉnh cấp, diện tích 200m2	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	803,0				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Bắc Sơn tiếp nhận quản lý theo pháp luật về đất đai
	Nhà khám chữa bệnh 2 tầng						199,5	399,0				
	Nhà công vụ						93,2	93,2				
	Nhà chứa rác						20,0	20,0				
21	UBND xã Hưng Vũ											
	Trạm Y tế xã Hưng Vũ	2										
21.1	Trạm chính (Trạm y tế xã Trần Yên cũ)	thôn Tằng Năng, xã Hưng Vũ	GCNQSDĐ số CG195405 ngày 12/12/2013 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.334,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm dây đẳng trước						300,0	300,0	Cổng, tường rào, bể nước			
	Nhà trạm dây đẳng sau						200,0	200,0				
	Nhà để xe						30,0	30,0				
21.2	Điểm trạm Hưng Vũ	thôn Mò Nhài, xã Hưng Vũ	GCNQSDĐ số 1058224 (không ghi ngày,tháng,năm cấp) do UBND tỉnh cấp, vào sổ cấp GCN số 00583	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.812,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm						390,0	780,0	Bể nước			
	Nhà công vụ						191,0	191,0				
	Nhà để xe						43,0	43,0				
22	UBND xã Vũ Lăng											
	Trạm Y tế xã Vũ Lăng	4										
22.1	Trạm chính	thôn Tràng Sơn, xã Vũ Lăng	GCNQSDĐ số CB09156 ngày 28/4/2016 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	500,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà khám chữa bệnh						104,0	208,0	Cổng, tường rào, bể nước			
	Nhà công vụ						41,6	41,6				
	Nhà chứa rác						6,4	6,4				
	Nhà để xe						24,3	24,3				
22.2	Điểm trạm Tân Lập	thôn Nà Nâm, xã Vũ Lăng	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 647890 ngày 29/11/2017, sổ vào sổ GCN CS 03992, thửa đất số 254 tờ bản đồ số 59	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.283,2				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm y tế						286,0	263,0	Cổng, tường rào, bể nước, lò đốt rác, nhà để xe, giếng			
	Nhà chứa rác cũ						4,0	4,0				
	Nhà để xe						24,5	24,5				
	Nhà vệ sinh						22,7	17,3				

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
22.3	Điểm trạm Chiêu Vũ	thôn Bình Thượng, xã Vũ Lăng	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C1647841 ngày 06/11/2017, sổ vào sổ GCN CT03947	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	541,7				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm						157,0	314,0	Cổng, bể nước, tường rào			
	Nhà công vụ						50,0	50,0				
	Nhà chứa rác						7,4	7,4				
	Nhà để xe						7,4	7,4				
	Nhà bếp						15,0	15,0				
	Nhà vệ sinh						7,0	7,0				
22.4	Trạm Y tế xã Tân Hương cũ	thôn Đôn Úy, xã Vũ Lăng	GCNQSDĐ số BD113088 ngày 31/3/2011 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.007,8				Điều chuyển	Điều chuyển	Điều chuyển cho Đảng uỷ xã Vũ Lăng quản lý, sử dụng (mở rộng trụ sở)
	Nhà trạm						178,9	178,9	Tường rào, bể nước			
	Nhà công vụ						79,4	79,4				
	Nhà để xe						22,8	22,8				
	Nhà vệ sinh						20,0	20,0				
	Nhà chứa rác						7,4	7,4				
23	UBND xã Nhất Hoà											
	Trạm Y tế xã Nhất Hoà	4										
23.1	Trạm chính	thôn Thái Bằng 2, xã Nhất Hoà	GCNQSDĐ số DL176839 ngày 02/3/2023 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	2.537,6				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm mới						234,5	234,5	Cổng, bể nước, tường rào			
	Nhà công vụ						149,0	149,0				
	Nhà chứa rác						18,4	18,4				
	Nhà để xe						55,8	55,8				
	Nhà trạm cũ						116,0	232,0				
23.2	Điểm trạm Nhất Tiến	thôn Pá Lét, xã Nhất Hoà	GCNQSDĐ số AH166113 ngày 29/12/2006 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	680,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm y tế xã						101,8	101,8	Cổng, tường rào, bể nước			
	Nhà khám chữa bệnh						165,0	165,0				
	Nhà phụ trợ						29,6	29,6				
	Nhà chứa rác						10,9	10,9				
	Nhà vệ sinh						6,6	6,6				
23.3	Điểm trạm Tân Thành	thôn Tân Vũ, xã Nhất Hoà	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.170,6				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm						216,0	426,0	Cổng, tường rào, bể nước, nhà để xe			
	Nhà công vụ						79,4	79,4				
	Nhà chứa rác						6,3	6,3				

[illegible]

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
25.1	Trạm chính	thôn Pò Đồn, xã Vũ Lễ	GCNQSDĐ số BĐ113248 ngày 07/4/2011, diện tích 200m2; GCNQSDĐ số BĐ113056 ngày 31/03/2011, diện tích 251m2. Diện tích thực tế là 624m2 do hộ ông Lộc Văn Đóa hiện đất 59,1m2 và hộ ông Lộc Văn Thành hiện đất 49,2m2	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	624,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm						227,9	227,9				
	Nhà công vụ						48,0	48,0	Cổng, tường rào, nhà để xe			
	Nhà chứa rác thải nguy hại						8,0	8,0				
	Nhà chứa rác						8,4	8,4				
25.2	Điểm trạm Vạn Thủy	thôn Nà Thí, xã Vũ Lễ	GCNQSDĐ số BĐ113079 ngày 31/3/2011 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	2.909,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm						225,0	400,0	Cổng, tường rào, bể nước			
	Nhà công vụ						63,0	63,0				
	Nhà vệ sinh						15,0	15,0				
25.3	Điểm trạm Đồng Ý	thôn Khau Ràng, xã Vũ Lễ	Tờ trích đo địa chính số 2024, hệ số tọa độ VN-2000, tờ số 65 (427395-4-d)	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.202,2				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm						200,0	400,0	Cổng, tường rào, bể nước			
	Nhà công vụ						40,0	40,0				
	Nhà bếp- tắm						26,5	26,5				
	Nhà xe						61,0	61,0				
	Nhà chứa rác						16,0	16,0				
26	UBND xã Văn Quan											
	Trạm Y tế xã Văn Quan	4										
26.1	Trạm chính	phố Thanh Xuân, xã Văn Quan	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Cơ sở y tế	Đang sử dụng	824,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trụ sở làm việc						126,0	252,0	Cổng, tường rào			
	Nhà công vụ						75,0	75,0				
26.2	Điểm trạm Hòa Bình	thôn Trung Thượng, xã Văn Quan	GCNQSDĐ số BĐ113012 cấp ngày 30/12/2010 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.427,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà TYT xã Hoà Bình 08 phòng						209,0	209,0	Cổng, tường rào			
	Nhà TYT xã Hòa Bình 02 phòng						45,0	45,0				
	Nhà chứa rác						9,0	9,0				

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
26.3	Điểm trạm Tú Xuyên	thôn Nà Hang, xã Văn Quan	GCNQSDĐ số ĐĐ113020 ngày 30/12/2010 do UBND tỉnh cấp cho Trường THCS xã Tú Xuyên	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	2.840,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trạm y tế xã Tú xuyên gồm 15 phòng						262,0	524,0	Bể, tường rào			
	Nhà hành chính, nhà kho						184,0	184,0				
	Nhà công vụ						170,0	170,0				
	Phòng Bếp						75,0	75,0				
	Nhà để xe						55,0	55,0				
	Nhà chứa rác						16,0	16,0				
26.4	Trạm y tế xã Tú Xuyên cũ	thôn Nà Hang, xã Văn Quan	GCNQSDĐ BP 195546 ngày 8/12/2013 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	583,0				Thu hồi	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Công an xã Tú Xuyên (cũ) đã xây dựng trụ sở trên khu đất; UBND xã Văn Quan tiếp nhận để thực hiện trình tự, thủ tục giao đất cho Công an tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai
	Nhà trạm						123,0	123,0				
27	UBND xã Diêm He											
	Trạm Y tế xã Diêm He	10										
27.1	Trạm Y tế xã Diêm He	phố Diêm He 1, xã Diêm He	GCNQSD đất BP 107800 ngày 04/5/2015 do UBND tỉnh cấp, diện tích là 797m2	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.086,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trụ sở làm việc						200,0	200,0	Bể nước, cống, tường rào			
	Nhà xe						34,2	34,2				
	Nhà ăn						15,0	15,0				
27.2	Điểm trạm Trần Ninh	thôn Bán Hèo, xã Diêm He	Chưa có GCNSD đất ; Trích Bản đồ địa chính xã (khu đất của trường THCS Trần Ninh)	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	3.703,3				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trạm y tế xã (gồm 12 phòng)						151,0	301,9				
	Nhà để rác						6,3	6,3				
	Nhà để xe						16,2	16,2				
27.3	Điểm trạm Liên Hội	thôn Nà Pua, xã Diêm He	Chưa có GCNSD đất; Trích lục bản đồ địa chính số 35/TLBĐ ngày 20/8/2018	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	2.330,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm y tế xã 10 phòng						217,0	434,0	Bể nước, nhà chứa rác, tường rào			
	Nhà công vụ						58,5	58,5				

[illegible]

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
28.1	Trạm chính	thôn Chợ Bãi 1, xã Yên Phúc	GCNQSDĐ số DL 052231 ngày 09/6/2023 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	686,8				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trụ sở làm việc						145,0	321,0	Nhà để xe, nhà chứa rác, bể			
	Nhà chứa rác						8,5	8,5				
28.2	Điểm trạm An Sơn	thôn Cồn Nà, xã Yên Phúc	GCNQSDĐ số BD 113027 ngày 30/12/2010 cấp cho UBND xã Tràng Sơn 614m2; Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng sử dụng đất năm 2019	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.036,9				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Bố trí một phần làm nhà công vụ trường TH và THCS 2 An Sơn
	Nhà Trạm Y tế xã Đại An cũ gồm 12 phòng (khu nhà UBND xã cũ)						307,0	614,0				
	Phòng theo dõi sau tiêm						98,0	98,0				
28.3	Điểm trạm Bình Phúc	thôn Bàn Dã, xã Yên Phúc	GCNQSDĐ số 01912 ngày 26/8/2013 do UBND tỉnh cấp, diện tích là 437m2	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.690,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trụ sở làm việc						214,0	428,0	Tường rào, sân bê tông			
	Nhà công vụ						40,0	40,0				
	Nhà xe						24,0	24,0				
	Nhà ăn						26,5	26,5				
	Nhà để rác						16,0	16,0				
28.4	Trạm Y tế xã An Sơn cũ	thôn Bình Đăng B, xã Yên Phúc	Quyết định số 1311/QĐ-UBND Lạng Sơn về việc điều chuyển tài sản UBND xã cho Trạm Y tế Đại An cũ ngày 12/7/2018	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	433,9				Thu hồi	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Yên Phúc tiếp nhận quản lý theo pháp luật về đất đai
	Nhà trạm gồm 9 phòng (khu nhà UBND xã cũ)						117,0	117,0	Tường rào, sân bê tông			
	Phòng họp						60,0	60,0				
	Phòng làm việc						32,0	32,0				
	Nhà bếp, nhà kho						28,0	28,0				
28.5	Trạm Y tế xã An Sơn cũ	thôn Bình Đăng B, xã Yên Phúc	Chưa được cấp GCNQSDĐ; Trích lục địa chính khu đất ngày 09/01/2012	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	677,0				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Yên Phúc tiếp nhận quản lý theo pháp luật về đất đai
	Nhà trạm						85,5	85,5				
	Nhà bếp						17,0	17,0				

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
28.6	Trạm Y tế xã An Sơn cũ (Trạm y tế xã Chu Túc cũ)	thôn Nà Tền, xã Yên Phúc	Chưa có GCNSDD (QĐ cấp đất của UBND tỉnh Lạng Sơn số: 842/1998QĐ-UB Ngày 29/06/1998; Trích lục thửa đất từ hồ sơ địa chính ngày 12/05/2008)	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	613,1				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Yên Phúc tiếp nhận để bố trí sân thể thao thôn Nà Tền
	Nhà trạm						102,0	102,0				
28.7	Trạm Y tế xã An Sơn cũ	thôn Phiến Mầu, xã Yên Phúc	GCNQSDĐ số CT 00605 cấp ngày 30/12/2010 (Giấy CN cũ cấp cho TYT xã Tràng Sơn 588 m2, đã thu hồi 137 m2 theo Thông báo số 446/TB-UBND ngày 29/12/2020 của UBND huyện Văn Quan)	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	451,0				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Yên Phúc tiếp nhận quản lý theo pháp luật về đất đai (khu đất thuộc hành lang đường giao thông thị trấn Văn Quan - Pác Kéo)
	Nhà trạm						107,0	107,0				
28.8	Trạm Y tế xã Bình Phúc cũ	thôn Nà Hấy, xã Yên Phúc	Chưa được cấp GCNSDD	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	479,0				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Yên Phúc tiếp nhận quản lý theo pháp luật về đất đai
	Nhà trạm y tế						90,0	90,0				
	Nhà bếp						35,0	35,0				
	Nhà vệ sinh						25,0	25,0				
29	UBND xã Tri Lễ											
	Trạm Y tế xã Tri Lễ	5										
29.1	Trạm chính	thôn Bàn Châu, xã Tri Lễ	GCNQSDĐ số H 962792 ngày 29/6/1998 là 783m2; Quyết định số 585/QĐ-UB ngày 11/4/2002 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc thu hồi và giao đất bổ sung cho Trạm Y tế xã Tri Lễ, huyện Văn Quan để mở rộng diện tích xây dựng: diện tích bổ sung là 197,2 m2; Trích lục bản đồ địa chính khu đất ngày 20/12/2011	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.002,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trụ sở làm việc						126,0	423,0	Tường rào, sân bê tông, nhà chứa rác			
	Nhà xe						42,0	42,0				
	Nhà ăn						9,0	9,0				
29.2	Điểm trạm Lương Năng	thôn Bàn Tằng, xã Tri Lễ	Theo bản đồ địa chính xã Lương Năng	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.178,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trụ sở làm việc						251,0	251,0	Sân bê tông			
	Nhà công vụ						63,0	63,0				
	Nhà chứa rác						10,0	10,0				

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
29.3	Điểm trạm Hữu Lễ	thôn Bản Rươi, xã Tri Lễ	Chưa được cấp GCNQSDĐ (Diện tích theo trích đo bản đồ địa chính xã)	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	2.231,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trụ sở làm việc						214,0	428,0	Tường rào, sân bê tông			
	Nhà công vụ						40,0	40,0				
	Nhà xe						24,0	24,0				
	Nhà ăn						26,5	26,5				
	Nhà để rác						16,0	16,0				
29.4	Trạm Y tế xã Lương Năng cũ	thôn Bản Tằng, xã Tri Lễ	Chưa được cấp GCNQSDĐ (Theo bản đồ địa chính xã Lương Năng)	Đất cơ sở y tế	Trường Mầm non Lương Năng đang sử dụng	807,0				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Điều chuyển	Điều chuyển cho trường Mầm non Lương Năng quản lý, sử dụng
29.5	Trạm Y tế xã Hữu Lễ cũ	thôn Bản Chặng, xã Tri Lễ	Chưa được cấp GCNQSDĐ (Diện tích theo trích đo bản đồ địa chính xã)	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	719,0				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Tri Lễ tiếp nhận để bố trí nhà văn hoá thôn Bản Chặng
	Trụ sở làm việc						123,0	123,0	Sân bê tông			
30	UBND xã Tân Đoàn											
	Trạm Y tế xã Tân Đoàn	3										
30.1	Trạm chính (Trạm Y tế xã Trảng Phái cũ)	thôn Phai Làng, xã Tân Đoàn	GCNQSDĐ số BD 195891 ngày 26/8/2013 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.276,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trụ sở làm việc						199,0	199,0	Bể nước, tường rào, giếng			
	Nhà công vụ						93,2	93,2				
30.2	Điểm trạm Tân Thành	thôn Tổng Han, xã Tân Đoàn	GCNQSDĐ số D0376492 ngày 07/12/1998 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.712,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà làm việc						76,2	76,2	Sân bê tông, tường rào, bể nước			
	Nhà khám bệnh						120,0	120,0				
	Nhà công vụ						76,6	76,6				
	Nhà bếp						34,3	34,3				
	Nhà để xe						24,0	24,0				
	Nhà làm việc						176,0	176,0				
	Nhà vệ sinh						25,5	25,5				
30.3	Trạm Y tế xã Tân Đoàn	thôn Khôn Ngoà, xã Tân Đoàn	Chưa được cấp GCNQSDĐ; diện tích theo bản đồ địa chính xã Tân Đoàn	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.636,0				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Điều chuyển	Điều chuyển cho Đảng uỷ, UBMTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội xã Tân Đoàn làm trụ sở
	Nhà trạm 10 phòng						200,0	400,0	Bể nước, tường rào			
	Nhà trạm 05 phòng						102,0	102,0				

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
31	UBND xã Khánh Khê											
	Trạm Y tế xã Khánh Khê	7										
31.1	Trạm chính	thôn Đoàn Kết, xã Khánh Khê	GCNQSDĐ số BD 113023 ngày 30/12/2010 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.922,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà Trạm Y tế xã Khánh Khê gồm 2 phòng (Nhà D)						81,0	81,0	Sân bê tông			
	Nhà Trạm Y tế xã Khánh Khê gồm 5 phòng (Nhà A)						157,0	157,0				
	Nhà Trạm Y tế xã Khánh Khê gồm 6 phòng (Nhà B)						190,0	190,0				
	Nhà xe						25,0	25,0				
	Nhà ăn						90,0	90,0				
	Nhà vệ sinh						15,0	15,0				
31.2	Điểm trạm Xuân Long	thôn Khôn Chủ, xã Khánh Khê	GCNQSDĐ số BA 896285 ngày 29/12/2010 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	863,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà làm việc						237,5	237,5	Tường rào, sân bê tông, nhà để xe			
	Nhà để xe						4,0	4,0				
31.3	Điểm trạm Bình Trung	thôn Bình Trung, xã Khánh Khê	GCNQSDĐ số BP 195751 ngày 22/10/2013 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	272,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Điều chuyển	Điều chuyển cho Đảng ủy, UBMTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội xã Khánh Khê làm trụ sở
	Dãy nhà chính 01 tầng (Nhà làm việc)						219,0	219,0	Sân bê tông, tường rào			
	Phòng thiết bị 1 tầng						18,0	18,0				
31.4	Trạm Y tế xã Bình Trung cũ	thôn Nà Riêng, xã Khánh Khê	GCNQSDĐ số BA 896287 ngày 29/12/2010 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	792,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Điểm trạm Bình Trung
	Nhà làm việc						240,0	240,0	Sân bê tông, tường rào, nhà để xe			
	Nhà làm việc						100,0	100,0				
31.5	Trạm Y tế xã Khánh Khê cũ	thôn Nà Bân, xã Khánh Khê	GCNQSDĐ BD 113008 ngày 30/12/2010 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	193,0				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Khánh Khê tiếp nhận quản lý theo pháp luật về đất đai
	Nhà trạm						72,5	72,5				
31.6	Trạm Y tế xã Khánh Khê cũ	thôn Đồng Tân, xã Khánh Khê	GCNQSDĐ số DC 395005 ngày 12/01/2022 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	1.349,7				Điều chuyển	Điều chuyển	Điều chuyển cho trường Mầm non Đồng Giáp quản lý, sử dụng

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Nhà trạm						247,5	443,0				
	Nhà công vụ						55,5	55,5				
31.7	Trạm y tế xã Khánh Khê cũ (Trạm y tế xã Trảng Các cũ)	thôn Nà Khanh, xã Khánh Khê	GCNQSDĐ số BD 195546 ngày 08/12/2013 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.074,2				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Điểm trạm Khánh Khê
	Nhà trạm						216,0	423,0				
	Nhà công vụ						42,0	42,0				
	Nhà để xe						42,0	42,0				
	Nhà đốt rác						9,0	9,0				
32	UBND xã Na Sầm											
	Trạm Y tế xã Na Sầm	6										
32.1	Trạm chính (Trạm Y tế xã Hoàng Việt cũ)	thôn Nà Phai, xã Na Sầm	GCNQSDĐ số DM 896021 ngày 18/12/2024 do UBND tỉnh Lạng Sơn cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.595,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm						225,0	450,0	Bể nước			
	Nhà công vụ						55,5	55,5				
	Nhà để xe						22,5	22,5				
	Nhà chứa rác						7,4	7,4				
32.2	Trạm Y tế thị trấn Na Sầm (cũ)	thôn 2, xã Na Sầm	GCNQSDĐ số BP 195512 ngày 23/7/2014 do UBND tỉnh Lạng Sơn cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	226,7				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Na Sầm tiếp nhận quản lý theo pháp luật về đất đai
	Nhà trạm						92,9	92,9	Bể nước, tường rào			
	Nhà bếp						23,0	23,0				
	Nhà vệ sinh						15,0	15,0				
32.3	Trạm y tế xã Hoàng Việt cũ	thôn 5, xã Na Sầm	GCNQSDĐ số AG 978573 ngày 30/6/2008 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	2.887,1				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Na Sầm tiếp nhận quản lý theo pháp luật về đất đai
	Nhà trụ sở làm việc						70,0	70,0				
	Nhà vệ sinh						6,0	6,0				
32.4	Trạm y tế xã Bắc Hùng (xã An Hùng cũ)	thôn Bàn Hu Ngoài, xã Na Sầm	GCNQSDĐ số AG978572 ngày 30/6/2008 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	477,0				Điều chuyển	Điều chuyển	Điều chuyển cho trường Mầm non Bắc Hùng quản lý, sử dụng
	Nhà trụ sở làm việc						70,0	70,0				
	Phòng xét nghiệm						10,0	10,0				
	Nhà bếp						15,0	15,0				
	Nhà vệ sinh						5,0	5,0				

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
32.5	Trạm y tế xã Bắc Hùng (xã Tân Việt cũ)	thôn Nà Cạn, xã Na Sầm	Xây dựng trên đất trụ sở của UBND xã	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng		247,5	495,0		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Na Sầm tiếp nhận bố trí làm nhà văn hoá, sân chơi, sân thể thao thôn Nà Cạn (cùng khuôn viên trụ sở xã Tân Việt cũ)
32.6	Trạm y tế xã Na Sầm (Trạm y tế xã Bắc Hùng cũ)	thôn Đồng Tiến, xã Na Sầm	Chưa có GCNQSDĐ	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.027,3					Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm						192,0	384,0				
	Nhà công vụ						99,6	99,6				
	Nhà rác						11,4	11,4				
33	UBND xã Hoàng Văn Thụ											
	Trạm Y tế xã Hoàng Văn Thụ	6										
33.1	Trạm chính (Trạm Y tế xã Tân Thanh cũ cơ sở 1)	thôn khu 1, xã Hoàng Văn Thụ	GCN QSDĐ, BP: 107160, ngày 05/8/2014 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	2.826,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm						435,8	871,6	Bể nước sinh hoạt, công trường rào			
	Nhà bếp						57,0	57,0				
	Nhà giặt là						24,0	24,0				
	Nhà đốt rác						5,8	5,8				
	Nhà để xe						27,9	27,9				
33.2	Điểm trạm Hoàng Văn Thụ (Trạm Y tế xã Hoàng Văn Thụ cũ)	thôn Quyết Thắng, xã Hoàng Văn Thụ	GCN QSDĐ số BP195481 ngày 10/01/2014 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.434,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm						238,5	477,0	Bể nước, bể tự ngầm, tường rào			
	Nhà bếp						54,0	54,0				
	Nhà kho						0,0	0,0				
	Nhà vệ sinh						9,7	9,7				
	Nhà rác						7,3	7,3				
	Nhà để xe						22,5	22,5				
33.3	Điểm trạm Nhạc Kỳ (Trạm Y tế xã Nhạc Kỳ cũ)	thôn Nà Ёc, xã Hoàng Văn Thụ	GCN QSDĐ số BP-195338, ngày 10/01/2014 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	595,4				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm cũ						71,2	71,2	Bể nước sinh hoạt, giếng khoan, công, tường rào			
	Nhà trạm mới						63,3	63,3				
	Phòng khám						37,7	37,7				
	Nhà bếp						23,5	23,5				
	Nhà vệ sinh						20,2	20,2				

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
33.4	Điểm trạm Hồng Thái (Trạm Y tế xã Hồng Thái cũ)	thôn Bàn Nhùng, xã Hoàng Văn Thụ	GCN QSDĐ số A0-193584 ngày 09/3/2009 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	506,4				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm						235,3	467,6	Bể nước sinh hoạt, tường rào			
	Kho lưu giữ chất thải						5,0	5,0				
	Nhà bếp						20,7	20,7				
33.5	Trạm Y tế xã Tân Mỹ cũ	thôn Tà Lài, xã Hoàng Văn Thụ	GCN QSDĐ số AG 978550 ngày 19/6/2008 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.131,0				Điều chuyển	Điều chuyển	Điều chuyển cho UBND xã Tân Mỹ bố trí trụ sở làm việc
	Nhà trạm						152,0	152,0	Tường rào			
	Nhà bếp						14,0	14,0				
	Nhà vệ sinh						17,0	17,0				
33.6	Trạm Y tế xã Tân Thanh cũ cơ sở 2	thôn Bàn Thầu, xã Hoàng Văn Thụ	GCNQSDĐ số AG 978549 ngày 19/6/2008 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	486,1				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Hoàng Văn Thụ tiếp nhận quản lý theo pháp luật về đất đai
	Nhà Trạm Y tế						110,0	110,0				
	Nhà bếp						20,0	20,0				
	Nhà vệ sinh						16,0	16,0				
34	UBND xã Thụy Hùng											
	Trạm Y tế xã Thụy Hùng	4										
34.1	Trạm chính (Trạm Y tế xã Thanh Long cũ cơ sở 1)	thôn Pác Cú, xã Thụy Hùng	GCNQSDĐ số BP195413 ngày 10/01/2014 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	797,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Khu điều trị						363,0	363,0	Bể nước, giếng khoan, tường rào			
	Nhà bếp, nhà công vụ						19,5	19,5				
	Nhà kho						13,0	13,0				
	Nhà vệ sinh						19,2	19,2				
34.2	Trạm chính (Trạm Y tế xã Thanh Long cũ cơ sở 2)	thôn Pác Cú, xã Thụy Hùng	Chưa có GCNQSDĐ	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	362,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Khu nhà hành chính, điều trị						128,0	128,0	Tường rào			
34.3	Điểm trạm Trùng Khánh (Trạm Y tế xã Trùng Khánh cũ)	thôn Pá Tấp, xã Thụy Hùng	GCNQSDĐ số BP195239 ngày 10/01/2014 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	638,3				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm						244,5	488,5	Bể nước sinh hoạt, tường rào			
	Nhà rác						20,0	17,0				
	Nhà bếp						25,0	23,0				
34.4	Trạm Y tế xã Thụy Hùng cũ	thôn Pác Cáy, xã Thụy Hùng	GCNQSDĐ số AG 978811 ngày 01/8/2008 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	531,0				Điều chuyển	Điều chuyển	Điều chuyển cho xã Thụy Hùng quản lý, sử dụng làm trụ sở làm việc

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Nhà trạm						239,0	220,0	Bể nước, tường rào			
	Nhà bếp,						22,0	22,0				
	Nhà kho						11,0	11,0				
	Nhà vệ sinh						9,0	9,0				
35	UBND xã Văn Lãng											
	Trạm Y tế xã Văn Lãng	4										
35.1	Điểm trạm Bắc La (Trạm Y tế xã Bắc La cũ)	thôn Nậm Slù, xã Văn Lãng	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.359,4				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm						200,0	200,0	Bể nước, tường rào, mái che			
	Nhà bếp						19,7	19,7				
	Nhà vệ sinh						20,3	20,3				
35.2	Điểm trạm Thành Hoà (Trạm Y tế xã Thành Hòa cũ)	thôn Thống Nhất, xã Văn Lãng	GCNQSDĐ số BP 195514 ngày 08/12/2013 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	583,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm						73,3	72,2	Tường rào			
	Nhà trạm						82,7	82,2				
	Nhà bếp						13,9	13,6				
	Nhà vệ sinh						18,4	17,9				
35.3	Trạm Y tế xã Tân Tác cũ	thôn Bán Cẩn, xã Văn Lãng	GCNQSDĐ số BP 195517 ngày 08/12/2013 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	896,0				Điều chuyển	Điều chuyển	Điều chuyển cho xã Văn Lãng quản lý, sử dụng làm trụ sở làm việc
	Nhà trạm						239,0	223,0	Bể nước, bể đốt rác, mái tôn			
	Nhà bếp						19,0	10,0				
	Nhà vệ sinh						26,0	13,0				
	Nhà vệ sinh						8,0	3,0				
35.4	Trạm y tế xã Văn Lãng	thôn Tà Cóoc, xã Văn Lãng	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	965,2					Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm						253,0	506,0	Bể nước, tường rào			
	Nhà bếp, nhà công vụ						55,4	55,4				
	Nhà rác						14,6	14,6				
	Nhà xe						75,0	75,0				
36	UBND xã Hội Hoan											
	Trạm Y tế xã Hội Hoan	3										
36.1	Trạm chính (Trạm Y tế xã Hội Hoan cũ)	thôn Háng Van, xã Hội Hoan	GCNQSDĐ số BP135339 ngày 10/01/2014 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	3.011,7				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Khu điều trị, hành chính						364,6	364,6				

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Nhà bếp,						25,9	25,9	Bể nước, tường rào			
	Nhà vệ sinh						17,6	17,6				
	Nhà rác						2,3	2,3				
36.2	Điểm trạm Gia Miễn (Trạm Y tế xã Gia Miễn cũ)	thôn Bàn Cáp, xã Hội Hoan	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.561,1				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Khu điều trị, hành chính						190,5	190,5	Tường rào cổng, vườn thuốc nam			
	Nhà vệ sinh						14,8	14,8				
36.3	Trạm y tế xã Nam La cũ	thôn Hòa Lạc, xã Hội Hoan	GCNQSDĐ số BP 195646 ngày 10/01/2014 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	1.050,1				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Hội Hoan tiếp nhận để bố trí làm nhà văn hoá thôn Hoà Lạc
	Nhà trạm						70,0	70,0				
	Nhà bếp						20,0	20,0				
	Nhà vệ sinh						6,0	6,0				
37	UBND xã Lộc Bình											
	Trạm Y tế xã Lộc Bình	4										
37.1	Trạm chính (Trạm Y tế xã Hữu Khánh cũ)	thôn Bàn Ry, xã Lộc Bình	GCNQSDĐ số T00739 ngày 30/10/1998 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.322,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà khám chữa bệnh						206,3	420,0	Sân, tường rào, bể nước			
	Phòng công vụ, bếp						68,1	80,0				
	Nhà kho						22,6	22,6				
	Nhà xe						15,0	15,0				
37.2	Điểm trạm Lộc Bình (Trạm Y tế thị trấn Lộc Bình cũ)	khu Bàn Kho, xã Lộc Bình	Thửa số 46, tờ bản đồ số 65 bản đồ địa chính thị trấn Lộc Bình do đặc năm 1999 – 2000. Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	235,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Khám chữa bệnh						111,2	222,4	Sân, tường rào, bể nước			
	Phòng tiêm, phòng cấp cứu						75,0	75,0				
37.3	Điểm trạm Khánh Xuân	thôn Pò Khoang, xã Lộc Bình	GCNQSDĐ CT02003 do UBND tỉnh cấp ngày 13/11/2014 GCNQSDĐ T00734 do UBND tỉnh cấp ngày 27/10/1998	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	3.012,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Khám chữa bệnh						200,0	150,0	Sân, nhà mái vòm, nhà để xe, tường rào			
	Truyền thông KHHGD						150,0	110,0				
	Nhà bếp						18,0	18,0				
	Nhà kho						24,2	22,0				
	Nhà vệ sinh						20,0	18,0				

[illegible]

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Trạm Y tế xã Lợi Bắc	3										
39.1	Trạm chính (Trạm y tế xã Lợi Bắc cũ)	thôn Nà U, xã Lợi Bắc	Tờ bản đồ số 29 Thửa số 267, địa chỉ thôn Nà U, xã Lợi Bắc, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.417,7				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Khám chữa bệnh						208,2	416,4	Sân, tường rào, bể nước			
	Nhà bếp, nhà công vụ						62,5	62,5				
	Nhà để xe						20,5	20,5				
	Nhà kho						22,3	22,3				
	Nhà chờ tiêm						96,4	96,4				
	Lò đốt rác						1,9	1,9				
39.2	Cơ sở 1: Trạm Y tế xã Sân Viên cũ (Trạm mới)	thôn Khôn Cháo Co Cai, xã Lợi Bắc	Thửa đất số 107 tờ bản đồ 01 đất lâm nghiệp thuộc Lâm trường Lộc Bình, Địa chỉ: Thôn Khôn Cháo Co Cai, xã Sân Viên, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.754,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Khám chữa bệnh						202,1	404,1	Sân, đường vào trạm, bể nước			
	Nhà bếp, công vụ						56,8	56,8				
	Kho						15,4	15,4				
39.3	Cơ sở 2: Trạm Y tế xã Sân Viên cũ (Trạm cũ)	thôn Khôn Cháo Co Cai, xã Lợi Bắc	GCNQSD đất số T49063040 ngày 10/12/2004 của UBND huyện Lộc Bình	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	336,0				Thu hồi	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Lợi Bắc tiếp nhận để bố trí tạm thời trụ sở Tổ an ninh trật tự Công an xã Lợi Bắc (trước đây là trụ sở Công an xã Sân Viên)
	Nhà trạm						72,0	72,0				
40	UBND xã Thống Nhất											
	Trạm Y tế xã Thống Nhất	4										
40.1	Trạm chính (Trạm Y tế xã Thống Nhất cũ, trạm mới)	thôn Kéo Bè, xã Thống Nhất	GCNQSD đất số BP195874 ngày 26/8/2013 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.440,8				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà Khám chữa bệnh						235,0	445,0	Sân, tường rào, bể nước			
	Nhà bếp, nhà công vụ						50,0	50,0				
	Phòng chứa rác						7,4	6,3				
	Nhà để xe						22,5	22,5				
40.2	Trạm Y tế xã Thống Nhất cũ (trạm cũ)	thôn Kéo Bè, xã Thống Nhất	GCNQSDĐ số BP195873 ngày 26/08/2013 do UBND tỉnh cấp (Phòng khám đa khoa Khu vực)	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	1.009,4	152,0	152,0		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Điều chuyển	Điều chuyển cho xã Thống Nhất để bố trí làm trụ sở làm việc của Trung tâm dịch vụ công ích

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
40.3	Điểm trạm Minh Hiệp (Trạm Y tế xã Minh Hiệp cũ)	thôn Tầm Pục, xã Thông Nhất	GCNQSDĐ số CT02161 ngày 23/12/2013 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	722,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	TT - DS KHHGD, Dự phòng						73,5	73,5	Sân, tường rào, bể nước, lò đốt rác, bể phốt, giếng đào, sân giếng			
	Khám CB						99,9	99,9				
	Nhà bếp						15,9	15,9				
	Nhà vệ sinh						16,9	16,9				
	Nhà xe						53,8	53,8				
	Nhà vệ sinh						4,0	4,0				
40.4	Điểm trạm Hữu Lân (Trạm Y tế xã Hữu Lân cũ)	thôn Vinh Tiên, xã Thông Nhất	GCNQSDĐ số T49063044 ngày 10/12/2004 của UBND huyện Lộc Bình	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.330,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Khám chữa bệnh						226,0	467,6	Sân, tường rào, bể nước			
	Nhà kho, nhà tập thể						72,0	54,1				
	Bếp						26,0	21,7				
	Nhà vệ sinh						24,3	18,1				
	Nhà rác						11,9	9,0				
	Nhà để xe						21,6	19,2				
41	UBND xã Xuân Dương											
	Trạm Y tế xã Xuân Dương	3										
41.1	Trạm chính (Trạm Y tế xã Xuân Dương cũ)	thôn Pò Chang, xã Xuân Dương	GCNQSDĐ số T49063043 ngày 10/12/2004 của UBND huyện Lộc Bình	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.685,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Khám chữa bệnh						221,0	442,0	Sân, tường rào, bể nước			
	Nhà bếp, công vụ						50,0	50,0				
	Nhà xe						75,0	75,0				
	Nhà kho						7,0	7,0				
41.2	Điểm trạm Nam Quan (Trạm Y tế xã Nam Quan cũ)	thôn Bàn Tò, xã Xuân Dương	GCNQSDĐ số T49063032 ngày 10/12/2004 của UBND huyện Lộc Bình	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.252,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Khám chữa bệnh						75,2	75,2	Sân, tường rào			
	Khám chữa bệnh						120,0	231,0				
	Nhà bếp						20,0	20,0				
41.3	Điểm trạm Ái Quốc (Trạm Y tế xã Ái Quốc cũ)	thôn Đoàn Kết, xã Xuân Dương	GCNQSDĐ số BP 195104 cấp ngày 04/3/2014 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.624,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Khám chữa bệnh						249,0	479,0	Sân, tường rào, bể nước			
	Nhà bếp						31,8	31,8				

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Nhà kho						32,4	32,4	Sân, tường rào, bể nước			
	Nhà để xe						29,4	29,4				
	Nhà chứa rác						9,2	9,2				
42	UBND xã Khuất Xá											
	Trạm Y tế xã Khuất Xá	3										
42.1	Trạm chính (Trạm y tế xã Khuất xá cũ)	thôn Bàn Chu B, xã Khuất Xá	Thừa đất số 478, tờ bản đồ địa chính số 45 do ngày 26/10/2020	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	886,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Khám chữa bệnh						218,0	200,0	Sân, bể nước			
	Nhà công vụ						55,5	55,5				
	Nhà bếp						14,0	14,0				
	Nhà kho						18,0	18,0				
42.2	Điểm trạm Tam Gia (Trạm Y tế xã Tam Gia cũ (trạm mới))	thôn Bàn Tre, xã Khuất Xá	Thừa đất số 67 tờ bản đồ 92 được xây dựng trên đất của trường tiểu học xã Tam Gia (cũ)	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	2.725,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà khám chữa bệnh						249,0	479,0	Sân, bể nước			
42.3	Trạm Y tế xã Tĩnh Bắc (cũ)	thôn Bó Luông, xã Khuất Xá	GCNQSD đất số T49063039 ngày 10/12/2004 của UBND huyện Lộc Bình	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	1.100,0	282,7	497,7		Thu hồi	Thu hồi	Đã thu hồi để tạm giao Công an tỉnh quản lý tại Quyết định số 2384/QĐ-UBND ngày 07/11/2025 của UBND tỉnh
43	UBND xã Mẫu Sơn											
	Trạm Y tế xã Mẫu Sơn	3										
43.1	Trạm chính (Trạm Y tế xã Yên Khoái cũ)	thôn Long Đầu, xã Mẫu Sơn	GCNQSD đất số AG 978522 ngày 26/5/2008 do UBND tỉnh Lạng Sơn cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	637,2				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà khám chữa bệnh						210,0	420,0	Sân, tường rào			
	Nhà công vụ						80,0	80,0				
43.2	Điểm trạm Mẫu Sơn (Trạm Y tế xã Mẫu Sơn cũ)	thôn Trà Ký, xã Mẫu Sơn	GCNQSDĐ số T49063045 ngày 10/12/2004 do UBND tỉnh Lạng Sơn cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	720,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Khám chữa bệnh						126,8	105,7	Sân, tường rào, bể nước			
	Kho, phòng bệnh nhân						102,5	84,4				
	Bếp						8,3	6,4				
43.3	Điểm trạm Tú Mịch (Trạm Y tế xã Tú Mịch cũ)	thôn Nà Van, xã Mẫu Sơn	GCNQSD đất số T49063047 ngày 10/12/2004 của UBND huyện Lộc Bình	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	2.030,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Khám, chữa bệnh						137,5	114,9	Sân, tường rào			
	Nhà bếp						10,7	9,3				
	Nhà hành chính						147,1	91,0				
	Nhà kho						24,1	23,5				
	Nhà vệ sinh						22,4	20,0				
	Nhà để xe						40,3	40,3				
44	UBND xã Thái Bình											
	Trạm Y tế xã Thái Bình	3										
44.1	Trạm chính (Trạm Y tế thị trấn Nông trường cũ)	thôn Thống Nhất A, xã Thái Bình	GCNQSDĐ số H 962110 (số nhà trạm cũ); Quyết định số 637/1998/QĐ/UB-XD ngày 29/5/1998 của UBND tỉnh	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	3.274,4				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm (Nhà cũ + nhà mới)						452,4	583,9	Mái, bể nước, tường rào, sân			
44.2	Điểm trạm Thái Bình (Trạm Y tế xã Thái Bình cũ)	thôn Bán Mục, xã Thái Bình	QĐ 1900/QĐ-UBND ngày 28/9/2009 của UBND tỉnh giao đất cho Trạm Y tế xã Thái Bình	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.133,5	247,9	247,9		Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
44.3	Điểm trạm Lâm Ca (Trạm Y tế xã Lâm Ca cũ)	thôn Bình An, xã Thái Bình	GCN QSDĐ số H962113 cấp ngày 29/5/1998	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.909,0	470,5	646,5		Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
45	UBND xã Châu Sơn											
	Trạm Y tế xã Châu Sơn	7										
45.1	Trạm chính (Trạm Y tế xã Châu Sơn cũ)	thôn Thống Nhất, xã Châu Sơn	GCNQSDĐ số H962109 ngày 29/5/1998 do UBND tỉnh Lạng Sơn cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.204,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà làm việc 02 tầng						150,0	300,0	Nhà xe, tường rào, bể nước			
	Nhà làm việc 1 tầng cấp IV (2009)						136,0	136,0				
	Nhà bếp 1 tầng cấp IV (2009)						24,1	24,1				
45.2	Điểm trạm Bắc Lãng	thôn Khe Mỏ, xã Châu Sơn	Không có hồ sơ	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.149,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà Trạm Y tế xã 2 tầng cấp III (2019)						218,6	218,6	Sân bê tông, bể nước			
	Nhà bếp (2019)						270,0	270,0				
	Nhà để xe (2019)						23,8	23,8				

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
45.3	Điểm trạm Cường Lợi	thôn Khe Bó, xã Châu Sơn	Chưa được cấp GCNQSDDD	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.062,0	330,2	500,4		Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
45.4	Điểm trạm Đồng Thắng	thôn Nà Xoong, xã Châu Sơn	Chưa được cấp GCNQSDDD	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.347,0	344,5	589,4		Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
45.5	Trạm Y tế xã Bắc Lãng cũ	thôn Nà Phai, xã Châu Sơn	GCN BP195689 ngày 23/12/2013	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	1.147,0				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Châu Sơn tiếp nhận quản lý theo pháp luật về đất đai
45.6	Trạm y tế xã Cường Lợi cũ	thôn Khe Bó, xã Châu Sơn	GCNQSDĐ số H962117 ngày 29/5/1998 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	1.557,5				Thu hồi	Điều chuyển	Điều chuyển cho trường Tiểu học và THCS Cường Lợi quản lý, sử dụng
	Nhà làm việc 1 tầng cấp IV						75,0	75,0				
45.7	Trạm Y tế xã Đồng Thắng cũ	thôn Nà Xoong, xã Châu Sơn	Chưa được cấp GCNQSDDD	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	1.347,0	344,5	589,4		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Châu Sơn tiếp nhận quản lý theo pháp luật về đất đai
46	UBND xã Kiên Mộc											
	Trạm Y tế xã Kiên Mộc	3										
46.1	Trạm chính trạm Y tế xã Kiên Mộc	thôn Bản Hang, xã Kiên Mộc	GCNQSDĐ số H962111 ngày 29/5/1998 do UBND tỉnh Lạng Sơn cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.466,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà làm việc 2 tầng cấp III (2007)						206,4	412,0				
	Nhà bếp, phòng nghỉ						50,0	50,0				
	Nhà chứa rác						18,0	18,0				
46.2	Điểm trạm Bắc Xá (Trạm Y tế xã Bắc Xá cũ)	thôn Nà Thuộc, xã Kiên Mộc	GCNQSDĐ số BP195693 ngày 23/12/2013 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	623,3				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà làm việc 2 tầng cấp III (2018)						204,5	409,0	Tường rào, bể nước, nhà xe			
	Nhà làm việc cấp IV 6 phòng						145,0	145,0				
46.3	Điểm trạm Bình Xá (Trạm Y tế xã Bình Xá cũ)	thôn Nà Lừa, xã Kiên Mộc	GCNQSDĐ số H 962116; Quyết định số 643/1998/QĐ/UB-XD ngày 29/5/1998 của UBND tỉnh	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.041,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà khám bệnh 1 tầng cấp III (2018)						108,5	108,5				
	Nhà làm việc 1 tầng cấp III (2018)						151,9	151,9				
	Nhà ăn 1 tầng cấp IV (2018)						18,6	18,6				

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Nhà vệ sinh (2018)						8,0	8,0				
47	UBND xã Đình Lập											
	Trạm Y tế xã Đình Lập	3										
47.1	Trạm chính (Trạm Y tế xã Đình Lập cũ)	thôn Cồn Duồng, xã Đình Lập	GCNQSDĐ số H 962110 (số nhà trạm cũ); Quyết định số 637/1998/QĐ/UBND ngày 29/5/1998 của UBND tỉnh	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	621,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà khám bệnh 1 tầng						228,0	228,0	Tường rào, bể nước, nhà xe			
	Nhà bếp 1 tầng 2015						31,3	31,3				
47.2	Điểm trạm thị trấn Đình Lập cũ (Trung tâm DS-KHHGD cũ)	thôn 3, xã Đình Lập	Chưa được cấp GCNQSDDD	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	258,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm 02 tầng						124,6	242,7	Mái tôn			
47.3	Trạm Y tế thị trấn Đình Lập (trạm cũ)	thôn 8, xã Đình Lập	Chưa được cấp GCNQSDDD	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	431,2				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Điều chuyển	Điều chuyển cho trường PTDTNT THCS và THPT Đình Lập
	Nhà trạm						90,0	90,0	Tường rào, bể nước			
48	UBND xã Hữu Lũng											
	Trạm Y tế xã Hữu Lũng	5										
48.1	Trạm chính (Trạm Y tế xã Hồ Sơn cũ cơ sở 1)	thôn Tân Hoa, xã Hữu Lũng	Chưa được cấp GCNQSDDD	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	873,7				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Khối nhà trạm + bếp + nhà vệ sinh + kho rác						318,0	318,0	Sân, tường bao, bể nước, mái tôn			
48.2	Điểm trạm Hữu Lũng (Trạm Y tế thị trấn Hữu Lũng cũ cơ sở 2)	khu Ngòi Na, xã Hữu Lũng	GCNQSDĐ số DL 171516 ngày 31/10/2023 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.528,5				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà Trạm Y tế (2 tầng)						105,0	204,0	Sân và đường đi nội bộ, tường bao			
	Nhà bếp + vệ sinh						52,2	52,2				
	Nhà chứa rác						8,5	8,5				
	Nhà để xe						32,0	32,0				
48.3	Điểm trạm Đồng Tân (Trạm Y tế xã Đồng Tân cũ)	thôn Rừng Dong, xã Hữu Lũng	GCNQSDĐ số DL 171512 ngày 31/10/2023 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.242,4				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm Y tế						79,8	79,8	Sân và đường đi nội bộ, tường bao, bể nước			
	Nhà vệ sinh (cũ)						4,4	4,4				
	Nhà khám chữa bệnh (2 tầng)						105,0	204,0				
	Nhà để xe						26,5	26,5				

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Nhà kho						13,3	13,3				
	Nhà vệ sinh						15,7	15,7				
48.4	Trạm Y tế xã Hồ Sơn cũ cơ sở 2	thôn Na Hoa, xã Hữu Lũng	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	252,0				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Hữu Lũng tiếp nhận làm nhà văn hoá thôn Na Hoa
	Nhà trạm						79,8	79,8	Sân, tường bao			
	Nhà vệ sinh						4,4	4,4				
	Nhà bếp						8,8	8,8				
48.5	Trạm Y tế thị trấn Hữu Lũng cũ cơ sở 1	khu An Ninh, xã Hữu Lũng	GCNQSDĐ số DL 171513 ngày 31/10/2023 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	302,9				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Hữu Lũng tiếp nhận quản lý theo pháp luật về đất đai
	Nhà trạm						74,5	74,5	Sân, tường bao			
	Nhà 02 phòng chức năng						35,5	35,5				
	Nhà vệ sinh + nhà chứa rác						20,2	20,2				
49	UBND xã Cai Kinh											
	Trạm Y tế xã Cai Kinh	4										
49.1	Trạm chính (Trạm Y tế xã Cai Kinh cũ)	thôn Đồng Ngẫu, xã Cai Kinh	GCNQSDĐ số BP 107814 ngày 12/5/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.464,1				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà Trạm Y tế						79,8	79,8	Sân, tường bao, bể nước			
	Nhà vệ sinh 1						4,4	4,4				
	Nhà khám chữa bệnh						154,5	154,5				
	Nhà chứa rác						8,3	8,3				
	Nhà vệ sinh 2						15,5	15,5				
	Nhà bếp						19,2	19,2				
	Nhà bếp mới						21,5	21,5				
	Nhà vệ sinh mới						9,2	9,2				
49.2	Điểm trạm Yên Sơn (Trạm Y tế xã Yên Sơn cũ)	thôn Đăng, xã Cai Kinh	GCNQSDĐ số BP 107192 ngày 02/10/2014 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.448,8				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà Trạm Y tế xã						79,8	79,8	Sân, tường bao, bể nước			
	Nhà vệ sinh						4,4	4,4				
	Nhà bếp						15,2	15,2				
	Nhà điều trị 04 phòng						87,0	87,0				
	Nhà để xe						27,3	27,3				
	Nhà chứa rác						5,3	5,3				
49.3	Điểm trạm Yên Vương (Trạm Y tế xã Yên Vương cũ cơ sở 1)	thôn Sơn Đông, xã Cai Kinh	GCNQSDĐ số AI 113450 ngày 26/5/2008 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	513,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Nhà điều trị						72,4	72,4	Sân, tường bao			
	Nhà vệ sinh						9,2	9,2				
	Nhà chứa rác						3,6	3,6				
49.4	Trạm Y tế xã Yên Vương cũ cơ sở 2	thôn Ao Sen, xã Cai Kinh	GCNQSDĐ số BP 107944 ngày 22/6/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	564,0				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Cai Kinh tiếp nhận bố trí làm sân chơi, sân thể thao (vị trí thấp, thường xuyên bị ngập)
	Nhà làm việc						74,5	74,5	Sân, tường bao, bể nước			
	Nhà bếp						17,0	17,0				
	Nhà vệ sinh						6,5	6,5				
50	UBND xã Tuấn Sơn											
	Trạm Y tế xã Tuấn Sơn	4										
50.1	Trạm chính (Trạm Y tế xã Minh Hóa cũ)	thôn Keo, xã Tuấn Sơn	GCNQSDĐ số CB 091940 ngày 24/8/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.238,2				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Dãy nhà một cửa, tầng A3 (01 tầng)						80,7	80,7	Mái tôn, sân lát gạch, sân bê tông, tường rào, bể nước			
	Nhà vệ sinh						19,6	19,6				
	Nhà trạm 02 tầng						128,2	251,7				
	Nhà bếp						33,1	33,1				
	Nhà xe						55,1	55,1				
	Nhà để rác						18,7	18,7				
50.2	Điểm trạm Hòa Thắng (Trạm Y tế xã Hòa Thắng cũ)	thôn Suối Ngang I, xã Tuấn Sơn	GCNQSDĐ số AI 113463 ngày 06/5/2008 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.261,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm y tế						79,8	79,8	Sân, tường bao			
	Nhà vệ sinh						4,4	4,4				
	Nhà khám bệnh điều trị						151,6	151,6				
	Nhà bếp						13,6	13,6				
	Nhà vệ sinh mới						16,0	16,0				
50.3	Điểm trạm Minh Sơn (Trạm Y tế xã Minh Sơn cũ cơ sở 1)	thôn Cã Ngoài, xã Tuấn Sơn	GCNQSDĐ số BP 107930 ngày 01/7/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	679,4				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm 2 tầng						152,0	304,0	Sân, tường bao			
	Nhà dinh dưỡng						23,8	23,8				
	Nhà để xe						29,0	29,0				
	Nhà vệ sinh						11,6	11,6				

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
50.4	Điểm trạm Minh Sơn (Trạm Y tế xã Minh Sơn cũ cơ sở 2)	thôn Cầ Ngoài, xã Tuấn Sơn	GCNQSDĐ số AA 00199019 ngày 18/02/2025 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	342,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trạm y tế đang sử dụng để trồng cây thuốc nam
	Nhà chứa rác						18,1	18,1	Tường bao			
51	UBND xã Tân Thành											
	Trạm Y tế xã Tân Thành	5										
51.1	Trạm chính (Trạm Y tế xã Tân Thành cũ cơ sở 1)	thôn Góc Gạo, xã Tân Thành	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	4.113,9				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm						214,0	400,0	Sân và đường di nội bộ, tường bao, bể nước			
	Nhà bếp + nhà tắm						26,5	26,5				
	Nhà vệ sinh						17,6	17,6				
	Nhà rác						20,9	20,9				
	Nhà để xe						24,0	24,0				
51.2	Điểm trạm Hòa Lạc (Trạm Y tế xã Hòa Lạc cũ cơ sở 1)	thôn Việt Thắng Hang Đò, xã Tân Thành	GCNQSDĐ số DL 171515 ngày 31/10/2023 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	758,4				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm cấp III (2 tầng)						118,3	250,0	Sân, tường bao, bể nước			
	Nhà bếp + vệ sinh						52,7	52,7				
	Nhà để rác						20,0	20,0				
	Nhà để xe						21,0	21,0				
51.3	Trạm Y tế xã Tân Thành cũ cơ sở 2	thôn Bắc Lệ, xã Tân Thành	GCNQSDĐ số BP 113661 ngày 10/7/2012 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	611,4				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Tân Thành tiếp nhận quản lý theo pháp luật về đất đai (quy hoạch đường giao thông)
	Nhà số 4: Nhà Trạm Y tế						92,3	92,3	Sân, tường bao			
	Nhà số 5: Nhà Đông y						86,0	86,0				
	Nhà bếp						24,0	24,0				
	Nhà vệ sinh						17,5	17,5				
51.4	Trạm Y tế xã Hòa Lạc cũ cơ sở 2	thôn Việt Thắng Hang Đò, xã Tân Thành	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	373,8				Điều chuyển	Điều chuyển	Điều chuyển cho trường Mầm non Hoà Lạc quản lý, sử dụng
	Nhà 1. Nhà trạm						92,3	92,3	Sân, tường bao, bể nước			
	Nhà 3. Nhà Bếp						21,7	21,7				
	Nhà số 4. Nhà vệ sinh						4,5	4,5				
	Nhà 2. Nhà hội trường						62,0	62,0				
51.5	Điểm trạm Hòa Sơn (Trạm Y tế xã Hòa Sơn cũ)	thôn Đồng Liên, xã Tân Thành	GCNQSDĐ AA 00199004 ngày 22/01/2025 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	2.327,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Nhà trạm chính						74,5	74,5	Sân, tường bao, bể nước			
	Nhà bếp						17,0	17,0				
	Nhà vệ sinh						15,7	15,7				
	Nhà khám chữa bệnh						227,0	227,0				
	Nhà công vụ						55,5	55,5				
	Nhà để xe						22,5	22,5				
	Nhà chứa rác						7,4	7,4				
52	UBND xã Vân Nam											
	Trạm Y tế xã Vân Nam	9										
52.1	Trạm chính (Trạm Y tế xã Vân Nam cũ cơ sở 1)	thôn Đập, xã Vân Nam	GCNQSDĐ số AI 113453 ngày 21/10/2008 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	3.368,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà khám chữa bệnh (2 tầng)						294,0	588,0	Sân, tường rào			
	Nhà hành chính						223,0	223,0				
	Nhà để xe						21,0	21,0				
52.2	Trạm chính (Trạm Y tế xã Vân Nam cũ cơ sở 2)	thôn Đập, xã Vân Nam	GCNQSDĐ số AI 113454 ngày 21/10/2008 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	941,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà Trạm Y tế						79,8	79,8				
	Nhà bếp						16,0	16,0				
	Nhà vệ sinh						11,2	11,2				
52.3	Điểm trạm Minh Tiến (Trạm Y tế xã Minh Tiến cũ)	thôn Nhị Liên, xã Vân Nam	GCNQSDĐ số AI 113264 mang tên UBND xã Minh Tiến ngày 08/11/2007 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.562,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà làm việc (01 tầng)						117,0	117,0	Sân bê tông, tường rào, bể nước			
	Nhà khám chữa bệnh						100,0	100,0				
	Nhà để xe						30,2	30,2				
	Nhà bếp						18,4	18,4				
	Nhà chứa rác						15,0	15,0				
	Nhà vệ sinh						23,6	16,7				
52.4	Điểm trạm Minh Tiến (Trạm Y tế xã Minh Tiến cũ)	thôn Nhị Liên, xã Vân Nam	Chưa được cấp GCNQSDDD	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	105,5				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trạm y tế xã tiếp tục quản lý, sử dụng cùng thửa đất 1.562 m2 để hoàn thiện hồ sơ đất đai do chồng lấn với trường học
52.5	Điểm trạm Nhật Tiến (Trạm Y tế xã Nhật Tiến cũ)	thôn Tân Thịnh, xã Vân Nam	GCNQSDĐ số AG 087444 ngày 14/5/2008 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	2.797,1				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà Trạm Y tế						79,8	79,8				
	Nhà vệ sinh						23,6	16,7				

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Nhà khám chữa bệnh						252,5	252,5	Sân và đường đi nội bộ, tường bao, bể nước			
	Nhà bếp						26,7	26,7				
	Nhà chứa rác						8,5	8,5				
	Nhà để xe						27,9	27,9				
52.6	Trạm Y tế xã Vân Nham cũ (cơ sở 3)	thôn Cốc Lùng, xã Vân Nham	GCNQSDĐ số CB 091924 ngày 10/7/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	1.015,8				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Vân Nham tiếp nhận quản lý theo pháp luật về đất đai
	Nhà Trạm Y tế						79,8	79,8	Sân, tường bao			
	Nhà vệ Sinh						4,4	4,4				
	Nhà bếp						12,0	12,0				
52.7	Một phần đất Điểm trạm Minh Tiến (Trạm Y tế xã Minh Tiến cũ)	thôn Nhị Liên, xã Vân Nham	GCNQSDĐ số AI 113264 mang tên UBND xã Minh Tiến ngày 08/11/2007 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	257,3				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Vân Nham tiếp nhận quản lý theo pháp luật về đất đai
52.8	Một phần đất Điểm trạm Minh Tiến (Trạm Y tế xã Minh Tiến cũ)	thôn Nhị Liên, xã Vân Nham	GCNQSDĐ số AI 113264 mang tên UBND xã Minh Tiến ngày 08/11/2007 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	61,7				Điều chuyển	Điều chuyển	Điều chuyển cho trường Mầm non Minh Tiến quản lý, sử dụng
52.9	Một phần đất Điểm trạm Nhật Tiến (Trạm Y tế xã Nhật Tiến cũ)	thôn Tân Thịnh, xã Vân Nham	GCNQSDĐ số AG 087444 ngày 14/5/2008 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	364,9				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Điều chuyển	Điều chuyển cho trường Tiểu học Nhật Tiến quản lý, sử dụng (cùng với trụ sở và nhà văn hoá xã Nhật Tiến)
53	UBND xã Thiện Tân											
	Trạm Y tế xã Thiện Tân	5										
53.1	Trạm chính (Trạm Y tế xã Đồng Tiến cũ)	thôn Lân Luông, xã Thiện Tân	GCNQSDĐ số DM 896022 ngày 24/12/2024 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.184,5				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm y tế 02 tầng						128,5	251,7	Sân, tường bao, bể nước			
	Nhà bếp						33,1	33,1				
	Nhà để xe						55,5	55,5				
	Nhà chứa rác						18,7	18,7				
	Nhà Dân số						78,7	78,7				
	Nhà vệ sinh						19,6	19,6				
53.2	Điểm trạm Thanh Sơn (Trạm Y tế xã Thanh Sơn cũ)	thôn Đoàn Kết, xã Thiện Tân	GCNQSDĐ số BD 113682 ngày 10/7/2012 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.574,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm y tế						79,8	79,8	Sân, tường bao, bể nước			
	Nhà kho + bếp						36,9	36,9				
	Nhà khám chữa bệnh						87,0	87,0				
	Nhà để xe						22,0	22,0				

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Nhà vệ sinh						19,6	19,6				
53.3	Điểm trạm Thiện Tân (Trạm Y tế xã Thiện Tân cũ cơ sở 2)	thôn Làng Trang, xã Thiện Tân	GCNQSDĐ số AA 03260968 ngày 07/8/2025 do Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.059,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm y tế						92,3	92,3	Sân và đường đi nội bộ, tường bao, bể nước			
	Nhà trạm y tế 2 tầng						104,2	203,5				
	Nhà dinh dưỡng 1 tầng						23,7	23,7				
	Nhà vệ sinh						11,6	11,6				
53.4	Trạm Y tế xã Thiện Tân cũ (cơ sở 1)	thôn Đồng Sinh, xã Thiện Tân	Chưa có GCNQSDĐ	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.268,2				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Thiện Tân tiếp nhận quản lý theo pháp luật về đất đai
	Nhà Trạm						303,7	303,7	Sân và đường đi nội bộ, bể nước			
	Nhà chứa rác						3,5	3,5				
53.5	Trạm y tế xã Đồng Tiến cũ	thôn Lân Luông, xã Thiện Tân	Quyết định số 768-1998/QĐ-UBND ngày 16/6/1998 của UBND tỉnh	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	207,0					Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Thiện Tân tiếp nhận quản lý theo pháp luật về đất đai
54	UBND xã Yên Bình											
	Trạm Y tế xã Yên Bình	5										
54.1	Trạm chính (Trạm Y tế xã Yên Bình cũ cơ sở 1)	thôn Đồng Bụt, xã Yên Bình	GCNQSDĐ số AI 113451 ngày 26/5/2008 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.806,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà khám chữa bệnh, 2 tầng						138,3	276,5	Sân, tường bao, bể nước			
	Nhà bếp						8,0	8,0				
	Nhà để xe						133,0	133,0				
	Nhà vệ sinh						12,0	12,0				
54.2	Điểm trạm Hòa Bình (Trạm Y tế xã Hòa Bình cũ (trạm mới))	thôn Trảng, xã Yên Bình	GCNQSDĐ số DC 420995 mang tên Trường TH&THCS xã Hòa Bình ngày 16/10/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.746,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trạm y tế 2 tầng						128,2	251,7	Sân lát gạch, tường bao			
	Nhà bếp + vệ sinh						52,3	52,3				
	Nhà để xe						61,0	61,0				
	Nhà chứa rác						18,7	18,7				
54.3	Điểm trạm Quyết Thắng (Trạm Y tế xã Quyết Thắng cũ)	thôn Kép II, xã Yên Bình	GCNQSDĐ số BP 107990 ngày 16/6/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	888,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

[illegible]

[illegible]

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Trạm Y tế xã Quan Sơn	3										
58.1	Trạm chính (Trạm Y tế xã Quan Sơn cũ)	thôn Làng Hăng, xã Quan Sơn	GCNQSDĐ số BD 113403 ngày 29/6/2011 do UBND tỉnh cấp cho Trường Mầm non xã Quan Sơn	Đất của trường học	Đang sử dụng	1.044,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà 1						77,0	77,0	Tường rào, sân bê tông			
	Nhà 2						16,0	16,0				
	Nhà 3						94,0	94,0				
	Nhà 4						70,0	70,0				
58.2	Điểm trạm Hữu Kiên	thôn Co Hương, xã Quan Sơn	GCNQSDĐ số BD 113700 ngày 10/7/2012 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	2.404,0	208,4	208,4		Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
58.3	Trạm Y tế xã Quan Sơn (cũ)	thôn Làng Hăng, xã Quan Sơn	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	508,0				Thu hồi	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Quan Sơn tiếp nhận để bố trí tạm thời trụ sở Công an xã Quan Sơn
	Nhà						66,0	66,0	Tường rào, sân bê tông			
59	UBND xã Chiến Thắng											
	Trạm Y tế xã Chiến Thắng	7										
59.1	Trạm chính (Phòng Khám đa khoa khu vực Chiến Thắng cũ)	thôn Nà Lầm, xã Chiến Thắng	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 193581, số vào sổ cấp GCN: T 01224 do UBND tỉnh cấp ngày 07/4/2009	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	682,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà						299,0	299,0	Tường rào, sân bê tông			
59.2	Điểm trạm Vân An (Trạm Y tế xã Vân An cơ sở 2)	thôn Trung Tâm, xã Chiến Thắng	GCNQSDĐ số BD 113845 do UBND tỉnh cấp ngày 10/7/2012	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.004,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà						247,5	495,0	Sân bê tông			
59.3	Trạm Y tế xã Liên Sơn cũ	thôn Bàn Lầm, xã Chiến Thắng	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	978,6				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà 1						124,0	124,0	Bể nước			
	Nhà 2						29,0	29,0				
	Nhà 3						17,0	17,0				
	Nhà 4						77,0	77,0				
59.4	Điểm trạm Vân Thủy (Trạm y tế xã Vân Thủy cũ)	thôn Nà Pát, xã Chiến Thắng	GCNQSDĐ số BD 113902 do UBND tỉnh cấp ngày 10/7/2012; Quyết định số 1048/QĐ-UBND ngày 13/6/2024	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.447,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà 1						165,9	165,9				

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Nhà 2						34,2	34,2	Bể nước, tường rào			
	Nhà 3						113,7	113,7				
59.5	Trạm Y tế xã Vân Thủy cũ (cơ sở 2)	thôn Bán Thí, xã Chiến Thắng	GCNQSDĐ số BD 113697 ngày 10/7/2012 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	816,0				Điều chuyển	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Chiến Thắng tiếp nhận quản lý theo pháp luật về đất đai
	Nhà 1						74,0	74,0				
	Nhà 2						111,0	111,0				
59.6	Trạm Y tế xã Chiến Thắng cũ	thôn Nà Lầm, xã Chiến Thắng	GCNQSDĐ số BD 113835 ngày 10/7/2012 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	413,0				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Chiến Thắng tiếp nhận để bố trí tạm thời trụ sở Công an xã Chiến Thắng
	Nhà trạm						74,0	74,0				
59.7	Trạm Y tế xã Vân An cũ (cơ sở 1)	thôn Trung Tâm, xã Chiến Thắng	GCNQSDĐ số BD 113845 ngày 10/7/2012 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	697,0				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Chiến Thắng tiếp nhận để bố trí làm nhà văn hoá thôn Trung Tâm
	Nhà						66,0	66,0	Sân bê tông			
60	UBND xã Nhân Lý											
	Trạm Y tế xã Nhân Lý	5										
60.1	Trạm chính (Trạm Y tế xã Bắc Thủy cũ)	thôn Tổng Cút, xã Nhân Lý	GCNQSDĐ số BD 113695 ngày 10/7/2012 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	384,2	208,4	416,8		Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
60.2	Trạm Y tế xã Nhân Lý cũ	thôn Lạng Giai A, xã Nhân Lý	GCNQSDĐ số BD 113693 ngày 10/7/2012 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	677,0				Điều chuyển	Điều chuyển	Điều chuyển cho UBND xã Nhân Lý quản lý, sử dụng làm trụ sở làm việc Trung tâm dịch vụ công ích
	Nhà 1						77,0	77,0	Tường rào, sân, bể nước			
	Nhà 2						202,3	202,3				
60.3	Điểm trạm Nhân Lý (Trạm Y tế xã Lâm Sơn cũ (trạm mới))	thôn Làng Bu, xã Nhân Lý	GCNQSDĐ số BD 113694 ngày 10/7/2012 do UBND tỉnh cấp	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	1.091,0	609,2	609,2	Tường rào, cổng, nhà bếp, nhà vệ sinh	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
60.4	Trạm Y tế xã Lâm Sơn cũ (trạm cũ)	thôn Làng Bu, xã Nhân Lý	Chưa được cấp GCNQSDDD	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	1.300,0				Điều chuyển	Điều chuyển	Điều chuyển cho trường Mầm non Lâm Sơn quản lý, sử dụng
	Nhà trạm						80,0	80,0				
60.5	Trạm Y tế xã Mai Sao cũ	thôn Lạng Nắc, xã Nhân Lý	Chưa được cấp GCNQSDDD	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	1.490,0				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Nhân Lý tiếp nhận quản lý theo pháp luật về đất đai

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Nhà						150,0	150,0	Tường rào, sân bê tông			
61	UBND xã Bằng Mạc											
	Trạm Y tế xã Bằng Mạc	4										
61.1	Trạm chính (Trạm Y tế xã Gia Lộc cũ)	thôn Làng Mỏ, xã Bằng Mạc	GCNQSDĐ số BD 113688 ngày 10/7/2012 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.219,1				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà 1						130,0	130,0	Tường rào, sân bê tông			
	Nhà 2						60,0	60,0				
61.2	Điểm trạm Bằng Hữu (Trạm Y tế xã Bằng Hữu cũ)	thôn Kéo Pháy, xã Bằng Mạc	GCNQSDĐ số DP 834509 ngày 16/10/2024 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	1.043,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà 1						216,0	216,0	Tường rào, sân bê tông			
	nhà 2						149,4	149,4				
61.3	Điểm trạm (Trạm Y tế xã Thượng Cường cũ)	thôn Làng Nong, xã Bằng Mạc	GCNQSDĐ số BD 113832 ngày 10/7/2012 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	724,4				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà 1						146,0	146,0	Tường rào, sân bê tông, khu để xe, bể nước, nhà chứa rác thia, vườn thuốc nam			
	Nhà 2						66,0	66,0				
61.4	Trạm Y tế xã Bằng Mạc	thôn Nà Pe, xã Bằng Mạc	GCNQSDĐ số BD 113821 ngày 10/7/2012 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	351,0				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại làm điểm trạm Bằng Mạc thuận tiện cho công tác khám, chữa bệnh của người dân trên địa bàn
62	UBND xã Đồng Đăng											
	Trạm Y tế xã Đồng Đăng	7										
62.1	Trạm chính (Phòng khám ĐKKV Đồng Đăng)	khu Hoàng Văn Thụ, xã Đồng Đăng	GCNQSDĐ số BA896256 ngày 29/12/2010 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	18.236,9				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà khám chữa bệnh, 2 tầng						542,0	1.084,0	Tường rào, sân bê tông, nhà để xe, trạm bom, lò đốt rác			
	Nhà để xe						63,0	63,0				
	Nhà chứa rác						19,0	19,0				
	Nhà xác						40,0	40,0				
	Phòng bảo vệ						21,0	21,0				

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
62.2	Điểm trạm Hồng Phong (Trạm Y tế xã Hồng Phong cũ)	thôn Cồn Quyền, xã Đồng Đăng	GCNQSDĐ số D0376486, do UBND tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 07/12/1998	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	724,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Dãy nhà chính (1 tầng)						236,0	236,0	Sân bê tông, tường rào			
	Nhà bếp, nhà kho (1 tầng)						32,0	32,0				
62.3	Điểm trạm Phú Xá (Trạm Y tế xã Phú Xá cũ)	thôn Phú Thịnh, xã Đồng Đăng	GCNQSDĐ số D0376486 do UBND tỉnh cấp ngày 7/12/1998	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	588,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Dãy nhà chính						220,0	413,0	Sân bê tông, nhà chứa rác, bể nước, tường rào			
62.4	Điểm trạm Thụy Hùng (Trạm Y tế xã Thụy Hùng cũ)	thôn Pò Nghiều, xã Đồng Đăng	GCNQSDĐ số BA 896286 mang tên Trường mầm non xã Thụy Hùng - huyện Cao Lộc, do UBND tỉnh cấp ngày 29/12/2010	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	717,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trụ sở						196,0	392,0	Sân bê tông, tường rào			
	Nhà chứa rác						7,0	7,0				
	Nhà để xe						42,0	42,0				
	Bếp, vệ sinh						26,0	26,0				
62.5	Điểm trạm Thụy Hùng (Trạm Y tế xã Thụy Hùng cũ)	thôn Pò Nghiều, xã Thụy Hùng	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	285,0				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Đồng Đăng tiếp nhận để bố trí làm nơi sinh hoạt cộng đồng
62.6	Trạm Y tế thị trấn Đồng Đăng cũ	Số 3 ngõ 6 đường Nguyễn Đình Lộ, xã Đồng Đăng	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	232,0				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Xã Đồng Đăng tiếp nhận để bố trí làm nhà văn hoá thôn
	Nhà làm việc						81,0	81,0	Sân bê tông, tường rào			
	Nhà lưu bệnh nhân						38,0	38,0				
	Nhà khám thai, phụ khoa						24,0	24,0				
	Nhà vệ sinh						32,0	32,0				
62.7	Điểm trạm Bảo Lâm (Trạm Y tế xã Bảo Lâm cũ)	thôn Cồn Kéo, xã Đồng Đăng	GCNQSDĐ số D0376484 ngày 14/7/1998 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	650,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà làm việc ngôi 1						162,0	162,0	Sân bê tông, tường rào			
	Nhà làm việc ngôi 2						122,0	122,0				
63	UBND xã Cao Lộc											
	Trạm Y tế xã Cao Lộc	3										
63.1	Trạm chính (Trạm Y tế xã Lộc Yên cũ)	thôn Bàn Héc, xã Cao Lộc	GCNQSDĐ số BA896235 ngày 29/12/2010 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	699,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

[illegible]

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m2)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và hình thức xử lý nhà đất sau khi thành lập Trạm y tế thuộc UBND xã, phường	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, xử lý
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân xây dựng nhà				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
65.1	Trạm chính (Trạm Y tế xã Cao Lâu cũ)	thôn Bản Vàng, xã Ba Sơn	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	3.222,1				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà lâm việc						145,0	115,7	Sân bê tông, Tường rào			
	Nhà lâm việc						306,0	256,0				
	Nhà bếp						25,0	25,0				
	Nhà xe						17,4	17,4				
	Nhà vệ sinh						16,8	16,8				
65.2	Điểm trạm Xuất Lễ (Trạm Y tế xã Xuất Lễ cũ)	thôn Bản Ngõa, xã Ba Sơn	GCNQSDĐ số BP 195430 ngày 25/01/2014 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	875,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà lâm việc 2 tầng						244,0	448,0	Nhà để xe, sân, tường rào, bể nước			
	Nhà bếp						24,0	24,0				
	Nhà chứa rác						12,0	12,0				
65.3	Điểm trạm Mẫu Sơn (Trạm Y tế xã Mẫu Sơn cũ)	thôn Co Loi, xã Ba Sơn	GCNQSDĐ số BA 896243 ngày 29/12/2010 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	479,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà lâm việc số 1						228,0	228,0	Sân bê tông, Tường rào			
	Nhà lâm việc số 2						10,0	10,0				